

Tp.HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

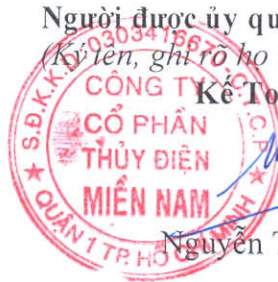
Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam
Mã chứng khoán: SHP
Địa chỉ trụ sở chính: P.106 Lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa
Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08 3820.7795
Fax: 08 3820.7794
Người thực hiện CBTT: Nguyễn Thành Tú Anh
Địa chỉ: 158/32 Nguyễn Văn Đậu, P7, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM.
Điện thoại: Di động: 0903141474, cơ quan 08 3820.7795 (109)
Fax: 08 3820.7794
Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:
Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2015.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày
12/04/2016 tại đường dẫn www.shp.vn .

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
Báo cáo thường niên năm
2015.

Người được ủy quyền công bố thông tin
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thành Tú Anh



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CTCP THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

2015
www.shp.com.vn



**TỔNG QUAN**

Thông tin chung về công ty	2
Thông điệp của chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc	3
Kết quả tài chính nổi bật	4
Quá trình hình thành và phát triển	6
Ngành nghề kinh doanh chính	7
Địa bàn hoạt động	7
Tầm nhìn, sứ mệnh	8
Mục tiêu và chiến lược phát triển	9
Các rủi ro	10

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Mô hình quản trị	12
Cơ cấu bộ máy quản lý	13
Hội đồng quản trị	14
Ban Kiểm soát	16
Ban Điều hành	16

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KD 2015

Hoạt động SX-KD các nhà máy	17
Tình hình đầu tư, thực hiện dự án	18
Tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận	19
Công tác sửa chữa, trung đại tu nhà máy	19
Tình hình tín dụng năm 2015	20
Phân tích tình hình tài chính	22

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của HĐQT	24
Hoạt động của BKS	31
Thông tin Ban quản trị	33
Lương thưởng, thù lao ban quản trị	34
Giao dịch với các bên liên quan	35
Thông tin cổ đông, cổ phần	36
Quan hệ nhà đầu tư	38
Thông tin về người lao động	39

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trách nhiệm tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường	40
Trách nhiệm vì cộng đồng	40
Trách nhiệm đối với người lao động	42

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Thông tin về doanh nghiệp	44
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	45
Báo cáo kiểm toán	46
Bảng cân đối kế toán	48
Báo cáo kết quả HĐKD	50
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	51
Thuyết minh BCTC kiểm toán	52

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Tên Công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
Tên tiếng Anh	: Southern Hydropower Joint Stock Company
Mã chứng khoán	: SHP
Trụ sở chính	: P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TPHCM
Vốn điều lệ	: 937.102.000.000 VNĐ
Vốn chủ sở hữu	: 1.236.969.545.605 VNĐ (tại ngày 31/12/2015)
Giấy CNĐKKD	: Số 0303416670, đăng ký lần thứ 7 ngày 18/07/2014
Điện thoại	: (84-8) 3820 7795
Fax	: (84-8) 3820 7794
Email	: thuydienmiennam@shp.vn
Website	: www.shp.vn



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa Quý cổ đông Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam,

Kinh tế Việt Nam năm 2015 đã phục hồi rõ nét, tăng trưởng 6,68%, tăng cao nhất 5 năm, vượt chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra là 6,2%, lạm phát trong năm 2015 đã xuống thấp ở mức kỷ lục với tỷ lệ 0,63%, nền kinh tế đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất và bắt đầu tiến trình phục hồi tăng trưởng.

Về tình hình thủy văn, do chịu ảnh hưởng của hiện tượng El Nino, các hồ thủy điện có lượng nước về rất ít so trung bình nhiều năm, đặc biệt thủy điện khu vực Tây nguyên có diễn biến thủy văn khô cạn nhất. Mức nước của từng hồ thủy điện đều thấp hơn giá trị cùng kỳ năm 2014.

Do tình hình thủy văn không thuận lợi, mùa mưa tới trễ, sản lượng điện phát của 03 nhà máy thủy điện của Công ty đạt 591,15 triệu kWh, mặc dù vượt sản lượng thiết kế (549,65 triệu kWh), nhưng chỉ đạt 97,4% kế hoạch sản lượng đề ra (607 kWh). Trong đó, chỉ nhà máy thủy điện Đa M'ri hoàn thành kế hoạch sản lượng năm 2015, với sản lượng 357,79 triệu kWh.

Mặc dù 02 nhà máy Đa Dâng 2 và Đa Siat chưa đạt kế hoạch về sản lượng, tuy nhiên doanh thu của Công ty vẫn vượt 7.4% kế hoạch, đạt 594,69 tỷ đồng. Trong đó, nhà máy Đa Siat đạt 71,23 tỷ đồng, tăng 14,39% so với năm 2014, nhà máy Đa M'ri đạt 393,69 tỷ đồng, tăng 4,58% so với năm 2014 và nhà máy Đa Dâng 2 đạt 129,76 tỷ đồng. Trong năm 2015, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 164,56 tỷ đồng, vượt 17.6% so với kế hoạch được giao.

Như vậy, trong tình hình khó khăn chung của các doanh nghiệp ngành thủy điện, Công ty vẫn vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đề ra. Công ty có thể đạt được những thành quả như trên là nhờ sự nỗ lực hết mình của tập thể Ban lãnh đạo và người lao động của Công ty, sự đồng lòng, chia sẻ của Quý cổ đông, sự quan tâm, giúp đỡ của các cấp chính quyền, cũng như sự hợp tác quý báu của các đối tác và khách hàng.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, chúng tôi xin ghi nhận những đóng góp này và xin gửi lời tri ân chân thành đến quý vị và chúng tôi mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ và quan hệ tốt đẹp từ quý vị trong thời gian tới.

Năm 2016 nền kinh tế Việt Nam được dự báo tiếp tục tăng trưởng nhanh, nhu cầu điện tiếp tục tăng cao. Tuy nhiên, dự báo hiện tượng Elnino vẫn tiếp diễn và kéo dài đến tháng 04/2016, mực nước hồ thiếu hụt so với cao trình mực nước dâng bình thường, tình hình lãi suất có xu hướng tăng trong năm 2016, giá trần thị trường điện và giá công suất năm 2016 giảm so với năm 2015. Mặc dù nhận định năm 2016 sẽ còn nhiều khó khăn nhưng Công ty sẽ tiếp tục phấn đấu tăng trưởng để đạt đến những thành công mới.

Một lần nữa, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc cũng như lời chúc tốt đẹp nhất đến quý cổ đông và các đối tác. SHP sẽ luôn phấn đấu hết mình để xứng đáng với sự tin tưởng và ủng hộ của quý vị đã dành cho chúng tôi.

Trân trọng.



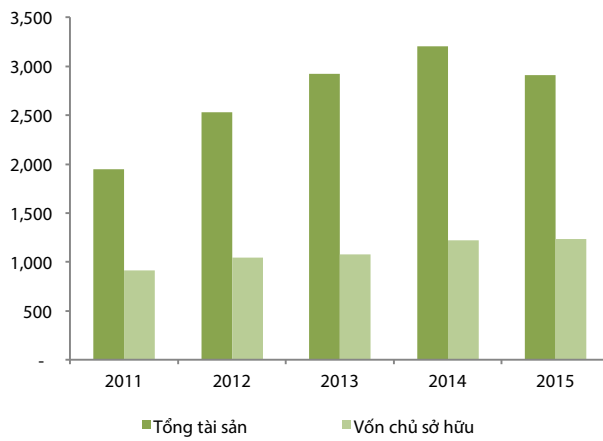
HỒ QUANG ÁI
Chủ tịch HĐQT



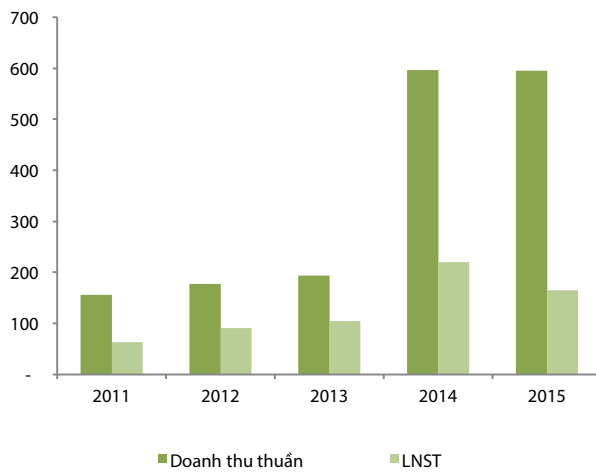
NGUYỄN VĂN THỊNH
Tổng giám đốc

KẾT QUẢ KINH DOANH NỔI BẬT VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Khoản mục	2011	2012	2013	2014	2015
	Tài sản ngắn hạn	326	433	253	422	304
	Tài sản dài hạn	1.620	2.100	2.674	2.784	2.609
	Tổng tài sản	1.946	2.533	2.927	3.206	2.913
	Tổng nợ	1.030	1.487	1.846	1.984	1.676
	Nợ ngắn hạn	279	397	592	654	316
	Nợ dài hạn	751	1.090	1.254	1330	1.360
	Vốn chủ sở hữu	916	1.046	1.081	1.222	1.237
	Tổng nguồn vốn	1.946	2.533	2.927	3.206	2.913
BÁO CÁO THU NHẬP	Khoản mục	2011	2012	2013	2014	2015
	Doanh thu thuần	155	177	194	596	595
	Lãi gộp	90	111	122	375	337
	Lợi nhuận từ HĐKD	65	93	103	226	174
	Doanh thu tài chính	8	14	6	5	1
	Chi phí tài chính	22	18	11	127	132
	Lợi nhuận trước thuế	65	95	104	226	169
	Lợi nhuận sau thuế	63	91	104	220	165
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	Khoản mục	2011	2012	2013	2014	2015
	Lợi nhuận trước thuế	65	95	104	226	169
	Điều chỉnh cho các khoản	63	54	53	274	310
	Tiền từ HĐKD sau điều chỉnh	128	149	158	501	479
	Tiền thuần từ kinh doanh	151	149	197	420	152
	Tiền thuần từ đầu tư	(472)	(517)	(616)	(257)	(5)
	Tiền thuần từ tài chính	352	406	259	(79)	(97)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	145	183	23	107	158

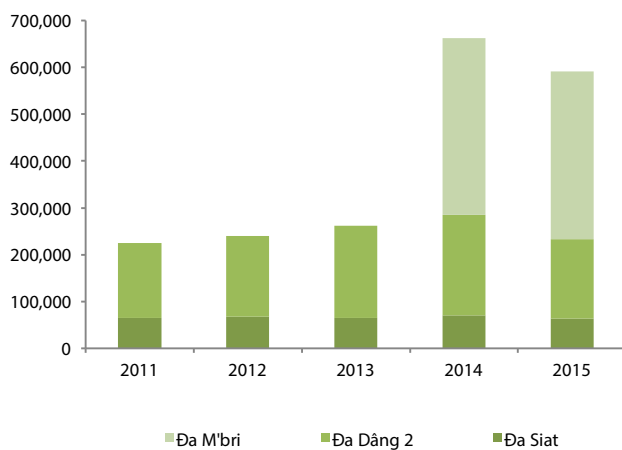


2.913 tỷ đồng
TỔNG TÀI SẢN



595 tỷ đồng
DOANH THU

165 tỷ đồng
LÃI SAU THUẾ



Vượt **7,5%**
SẢN LƯỢNG THIẾT KẾ

591 triệu kWh
SẢN LƯỢNG ĐIỆN

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

2004	Công ty cổ phần Thủy Điện Miền Nam chính thức đi vào hoạt động với mức vốn điều lệ là 250 tỷ VNĐ.
2006	Công ty đã tăng vốn điều lệ kinh doanh lên 687 tỷ VNĐ. Công ty thông qua kế hoạch đầu tư dự án thủy điện Đa M'bri.
2009	Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 937,102 tỷ đồng để phục vụ cho việc đầu tư vào dự án thủy điện Đa M'bri.
2010	Công ty khánh thành 02 nhà máy thủy điện Đa Siat và Đa Dâng 2 trong năm 2010. Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên sàn Upcom với mã chứng khoán SHP.
2011	Công ty tăng vốn điều lệ lên 853 tỷ đồng.
2012	Công ty tăng vốn điều lệ lên 937 tỷ đồng.
2013	Tổ máy số 2 nhà máy Đa M'bri đi vào hoạt động.
2014	Nhà máy thủy điện Đa M'bri chính thức phát điện. Sản lượng phát điện của Công ty đạt mốc 1 tỷ kwh. Nhà máy Đa Dâng 2 được cấp chứng chỉ CERs. Cổ phiếu của Công ty chuyển sang niêm yết trên Sở GDCK Tp. Hồ Chí Minh.
2015	Nhà máy thủy điện Đa M'bri tham gia thị trường phát điện cạnh tranh.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh chính tạo ra doanh thu và lợi nhuận của Công ty từ khi được thành lập đến nay là sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm. Công ty đã đầu tư xây dựng, vận hành khai thác và sản xuất điện năng tại 03 nhà máy thủy điện là Đa Siat, Đa Dâng 2 và Đa M'brì, với tổng công suất thiết kế đạt 549,65 triệu kwh/năm.

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam tiến hành tại các nhà máy thủy điện thuộc địa bàn tỉnh Lâm Đồng (khu vực Nam Tây Nguyên), nơi có thời tiết chia làm hai mùa rõ rệt là mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 11) và mùa khô (từ tháng 12 đến tháng 4). Khu vực này có lượng mưa rất cao và ổn định, sản lượng điện sản xuất vào mùa khô vẫn được duy trì 30% sản lượng điện cả năm, góp phần giảm bớt căng thẳng nhu cầu điện cho các tỉnh phía Nam.

Cả 3 nhà máy đều khai thác nguồn nước từ thượng nguồn các dòng sông/suối, do đó toàn bộ nguồn nước sẽ được cung cấp cho nhà máy mà không phải chia sẻ cho các dự án, công trình thủy lợi khác.



TÂM NHÌN

Phát triển SHP thành một công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng tại Việt Nam với trọng tâm là đầu tư nguồn năng lượng sạch và năng lượng tái tạo nhằm thực hiện tốt nhất nhiệm vụ cung cấp năng lượng đi kèm với gìn giữ, bảo tồn môi trường sống.

SỨ MỆNH

- Góp phần đáp ứng ngày càng đầy đủ và ổn định hơn nhu cầu về điện cho sự phát triển bền vững của đất nước nói chung và khu vực miền Nam nói riêng.
- Thực hiện tốt nghĩa vụ và trách nhiệm với môi trường, với cộng đồng.
- Đẩy mạnh nghiên cứu, đầu tư cho khoa học – công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm tạo ra nguồn năng lượng ngày càng hiệu quả và an toàn hơn.
- Tạo lập một môi trường làm việc thân thiện, thoải mái và chuyên nghiệp để mọi cá nhân có thể phát huy hết khả năng của mình phục vụ cho công việc chung.





MỤC TIÊU KINH TẾ

Tiếp tục vận hành hiệu quả các nhà máy Đa Siat, Đa Dâng 2 và Đa M'brì. Duy trì công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị. Hạn chế xảy ra sự cố trong mùa mưa và phát huy sản lượng điện trong mùa khô.

MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, VÀ CỘNG ĐỒNG

- Tham gia trồng rừng, tái tạo môi trường tại khu vực nhà máy Thủy điện Đa Dâng 2 và Đa M'brì theo quy định của Chính Phủ và hướng dẫn của Ủy Ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
- Thường xuyên tham gia các hoạt động khuyến học tại các huyện Đahuoai, huyện Bảo Lâm và các xã thuộc diện vùng sâu, vùng xa còn khó khăn như Lộc Bắc, Lộc Tân, Đa M'brì.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Tìm kiếm, tham gia hoặc chuyển giao đầu tư một số dự án thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên.
- Đầu tư vào các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo khác như năng lượng gió, năng lượng mặt trời...

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Rủi ro về mặt kinh tế

Là một thành phần của nền kinh tế, Công ty cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng và chi phối của tình hình kinh tế đất nước nói chung và sự phát triển của ngành nói riêng. Bên cạnh đó, khả năng phát triển của Công ty còn bị chi phối và chịu sự ảnh hưởng bởi định hướng phát triển của chiến lược phát triển năng lượng tái tạo, xây dựng công trình thủy điện và nhu cầu tiêu thụ điện của đất nước qua từng thời kỳ.

Rủi ro về mặt pháp luật

Ngoài chịu sự tác động của Luật Điện lực, mọi hoạt động của Công ty còn chịu sự điều tiết của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật xây dựng, Luật đầu tư, Luật đất đai và các quy định liên quan đến đất đai môi trường... Ngoài ra, trong từng thời kỳ, các chính sách của Nhà nước, địa phương sẽ có những thay đổi hoặc triển khai các chế độ chính sách khác nhau đều ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro đặc thù

Nhân tố quyết định đến sự phát triển của ngành thủy điện chính là nguồn nước. Những thời điểm hạn hán kéo dài sẽ làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại đối với các công trình của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

Với những rủi ro này, Công ty giảm thiểu và hạn chế bằng cách tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa, thiết lập phương án phòng chống lụt bão, sửa chữa, gia cố những vị trí xung yếu; thường xuyên cập nhật các thông tin thủy văn cũng như chỉ đạo của Chính phủ và các ban, ngành, địa phương nhằm điều chỉnh biểu đồ khai thác cho phù hợp, đưa ra các giải pháp ứng phó kịp thời.





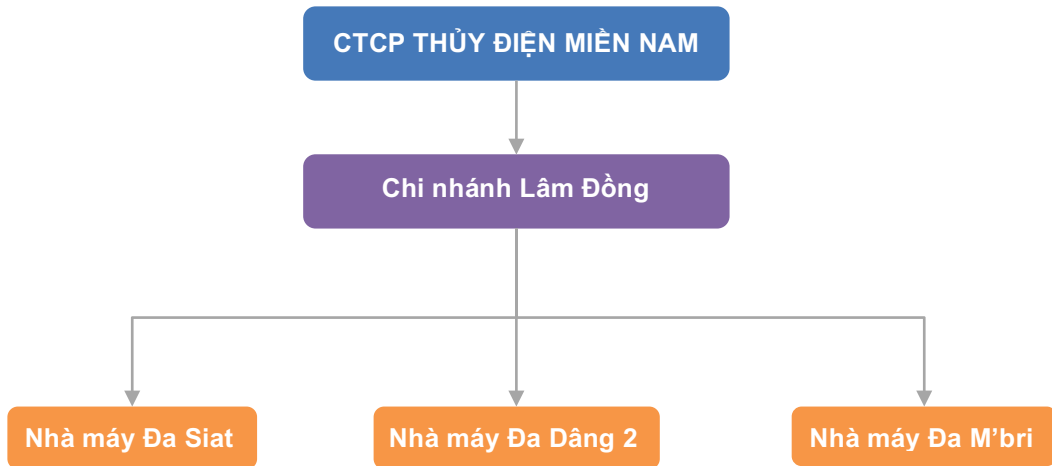
Rủi ro về an toàn lao động

Trong lĩnh vực quản lý vận hành nhà máy thủy điện, an toàn lao động là yếu tố đặc biệt được quan tâm. Để hạn chế các rủi ro này, Công ty đã đáp ứng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể cũng như các phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động khi làm việc. Thực hiện xây dựng và tuân thủ triệt để các quy trình, tài liệu kỹ thuật, huấn luyện kiểm tra sát hạch an toàn, biện pháp, kỹ thuật, tổ chức giám sát an toàn trước, trong và sau quá trình vận hành. Có hệ thống đảm bảo ngăn ngừa sự cố hoặc tai nạn xảy ra.

Rủi ro về vấn đề độc quyền

Cũng như các doanh nghiệp ngành điện khác, SHP cũng chịu sự ràng buộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Hầu như EVN có vị thế độc quyền hoàn toàn trong ngành, do đó các doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều bất cập trong việc phát triển như:

- Chưa có cơ chế giá bán điện cho từng loại nhà máy dẫn đến việc đàm phán, ký kết các hợp đồng mua bán điện từ các nguồn điện mới ngoài EVN gặp nhiều khó khăn, thường kéo dài qua nhiều khâu.
- Giá bán điện phụ thuộc vào tình hình tài chính của EVN, do đó xuất hiện nguy cơ giá EVN đề xuất thấp hơn mức mong đợi.
- Việc độc quyền của EVN ít nhiều gây hạn chế trong việc thu hút vốn đầu tư tư nhân, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành điện, do đó gây ảnh hưởng cho việc phát triển ngành điện, vốn yêu cầu chi phí đầu tư rất lớn.
- Ngoài ra việc Công ty được Trung tâm điều độ A0 xếp lịch phát điện vào giờ cao điểm, thấp điểm hay giờ bình thường quyết định giá bán điện cao hay thấp, ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ**Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam**

Địa chỉ: P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 08-38207795 Fax: (+84) 08-38207794

Vốn điều lệ: 937.102.000.000 VNĐ

Chi nhánh Lâm Đồng

Địa chỉ: Căn 02, lô D5, Hồ Tùng Mậu, Phường 1, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Nhà máy thủy điện Đa Siat

Địa chỉ: Thôn 3 thị xã Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng

Công suất: 13,5MW

Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2

Địa chỉ: xã Tân Văn, huyện Lâm Hà và xã Tân Thành, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

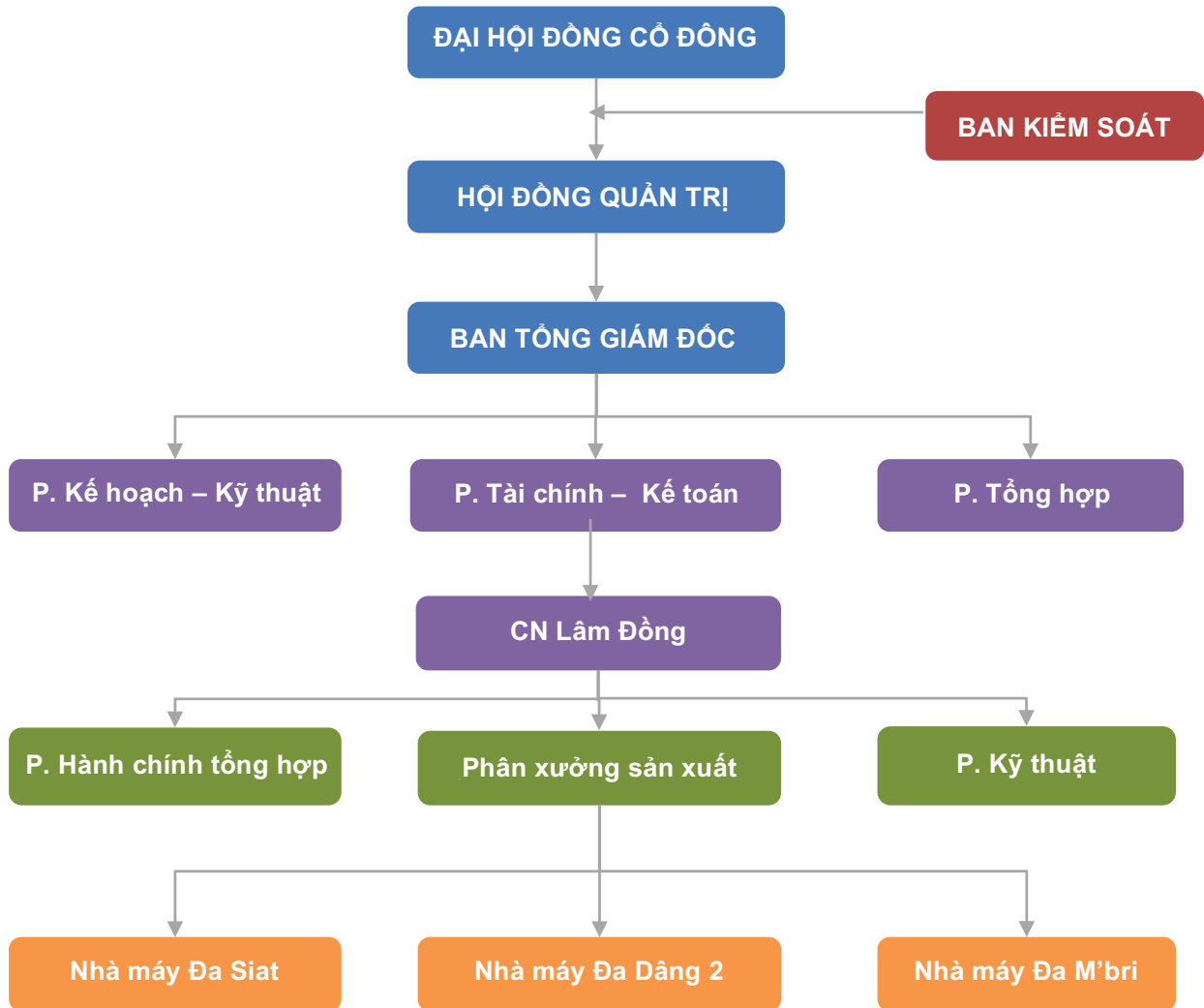
Công suất: 34MW

Nhà máy thủy điện Đa M'brì

Địa chỉ: huyện Bảo Lâm, huyện Đa Huoai và huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng

Công suất: 75MW

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

	Ông Hồ Quang Ái	Ông Trịnh Phi Anh	Ông Nguyễn Văn Thịnh
Chức vụ	Chủ tịch HĐQT	Ủy viên HĐQT	Ủy viên HĐQT
Năm sinh	1958	1947	1955
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ QTKD, kỹ sư điện	Cử nhân kinh tế, kỹ sư điện	Kỹ sư điện
Chức vụ tại tổ chức khác	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Không	Không
Quá trình công tác	1981 – 1991: Kỹ sư, Phó Phòng KHKT, Phó Giám đốc Sở Điện lực Đồng Tháp; 1993 – 1995: Phó Giám đốc Sở Điện lực Tiền Giang; Tháng 08/1995 – 2000: Trưởng Ban QLDALĐ Công ty Điện lực 2; 2000 – 2006: Giám đốc Điện lực Đồng Tháp; Tháng 10/2006 – nay: Phó TGD Tổng công ty Điện lực miền Nam.	1997 – 2000: Giám đốc Nhà máy thủy điện Trị An; 2000 – 2007: Giám đốc Công ty Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi; 2007 – nay: Chuyên viên kiêm ủy viên HĐQT CTCP Thủy điện Miền Nam	1991 – 1998: Trưởng phòng KHKT Công ty Điện lực Đồng Nai; 1998 – 2007: Trưởng phòng Quản lý Xây dựng Công ty Điện lực 2; Từ tháng 06/2007 – nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam; ông kiêm nhiệm chức Ủy viên HĐQT từ ngày 12/04/2012 đến nay.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

	Ông Nguyễn Việt Tuấn	Ông Nguyễn Hữu Phương	Ông Lê Chí Phước	Ông Nguyễn Văn Dũng
Chức vụ	Ủy viên HĐQT	Ủy viên HĐQT	Ủy viên HĐQT	Ủy viên HĐQT
Năm sinh	1975	1955	1953	1963
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế	Cử nhân kinh tế	Cử nhân Quản trị kinh doanh	Kỹ sư điện
Chức vụ tại tổ chức khác	T.V HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Sông Lam, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh, T.V Ban đại diện Quý Đầu tư Việt Nam	Trưởng ban Kế hoạch Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Không	Phó Giám đốc Công ty Điện lực Lâm Đồng
Quá trình công tác	1997 – 2007: Kiểm toán viên, Trưởng phòng kiểm toán cao cấp Công ty Deloitte Touche Tohmatsu; 2007 – 2008: Trưởng phòng tài chính VPĐD Johnson & Johnson Medical; 2008 – 2010: Giám đốc đầu tư CTCP Địa ốc Ô tô Phương Trang; 2010 – 2011: PGĐ phụ trách tài chính và đầu tư Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Thiên Ân; 2011 – nay: Ban tài chính, Ban dự án DME, Tổng Công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn;	1978 – 1998: Cán bộ, phó phòng, trưởng phòng, Kế toán trưởng XN xây lắp điện Công ty Điện lực 2; 1998 – 1999: Phó Phòng TCKT Công ty Điện lực 2; 1999 – 2006: Kế toán trưởng Công ty Điện lực 2; 01/2007 – 02/2010: Trưởng Phòng Kế Hoạch Công ty Điện lực 2; 2010 – nay : Trưởng Ban Kế hoạch Tổng Công ty Điện lực miền Nam;	1977 – 1989: Cán bộ phòng kỹ thuật sản xuất Công ty Điện lực TP Cần Thơ; 1989 – 2000: Phó phòng tổ chức – hành chính – lao động Công ty Điện lực TP Cần Thơ; 2011 – 2012: PPT Chánh văn phòng Công ty Điện lực TP Cần Thơ; 1990 – 2012: Chủ tịch công đoàn Công ty Điện lực TP Cần Thơ; 2012 – nay: Ủy viên HĐQT CTCP Thủy điện Miền Nam.	2004 - 2005: Phó Phòng Tổ chức - Hành chính Điện lực Lâm Đồng; 2005 - 2010: Trưởng Phòng Tổ chức - hành chính Điện lực Lâm Đồng; 2011 - nay: Phó Giám đốc Công ty Điện lực Lâm Đồng; 2012 – nay: Ủy viên HĐQT CTCP Thủy điện Miền Nam.

BAN KIỂM SOÁT

	Ông Hoàng Minh Dũng	Ông Thang Thanh Hà	Ông Tô Công Thanh Lộc
Chức vụ	Trưởng ban	Thành viên	Thành viên
Năm sinh	1966	1962	1959
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ QTKD	Kỹ sư điện	Kỹ sư điện, cử nhân QTKD
Chức vụ tại tổ chức khác	Kế toán trưởng Tổng Công ty điện lực Miền Nam	Trưởng ban thanh tra bảo vệ Tổng công ty Điện lực Miền Nam	Phó Tổng giám đốc CTCP Thiết bị điện VINASINO
Quá trình công tác	1987 – 2010: Kế toán Công ty Điện lực 2 2010 – 2011: Kiểm soát viên Tổng Công ty điện lực Miền Nam 2011 – nay: Kế toán trưởng Tổng Công ty điện lực Miền Nam 2012: là TV.BKS CTCP Thủy điện Miền Nam. Từ ngày 01/07/2014 – nay: Trưởng BKS CTCP Thủy điện Miền Nam	1987 – 1993: Kỹ sư Công ty tư vấn điện 3 1994 – nay: Trưởng ban thanh tra bảo vệ Tổng công ty Điện lực Miền Nam 2012 – 2014: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Thủy điện Miền Nam 2014 – nay: TV. BKS CTCP Thủy điện Miền Nam	1982 – 2008: công tác tại Công ty điện lực 2 2009 – nay: Phó Tổng giám đốc CTCP Thiết bị điện VINASINO 2012 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Thủy điện Miền Nam

BAN ĐIỀU HÀNH

	Ông Nguyễn Dũng	Ông Nguyễn Vĩnh Châu	Bà Nguyễn Thành Tú Anh
Chức vụ	Phó Tổng Giám đốc	Phó Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng
Năm sinh	1957	1961	1977
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư	Kỹ sư	Cử nhân kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có	Không có	Không có
Quá trình công tác	1982 – 2003: công tác tại Công ty Thủy điện Đa nhim – Hàm Thuận – Đa Mi. 2004 – nay: phó Tổng Giám đốc CTCP Thủy điện Miền Nam.	2005 – 2007: Trưởng phòng thẩm định chế độ dự toán ban quản lý ĐT xây dựng thủy lợi 10. 2007 – nay: Phó Tổng giám đốc CTCP Thủy điện Miền Nam.	2002 – 2004: Công tác tại phòng kế toán tài chính Công ty điện lực 2. 2004 – nay: Kế toán trưởng CTCP Thủy điện Miền Nam.

Ông **Nguyễn Văn Thịnh** - Tổng Giám đốc: xem thông tin phần Thành viên Hội đồng quản trị

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÁC NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN

Đơn vị tính: Triệu kWh

Nhà máy	Sản lượng thiết kế	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	%TH2015/SL thiết kế	%TH2015/KH2015
Đasiat	59,3	66,0	63,8	107,6%	96,7%
Đa Dâng 2	152,1	186,0	169,6	111,5%	91,2%
ĐaM'bri	338,2	355,0	357,8	105,8%	100,8%
Tổng cộng	549,6	607,0	591,2	107,6%	97,4%

Nhà máy Đa M'bri

Năm 2015 là một năm đầy thử thách với Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam khi nhà máy Đa M'bri tham gia phát điện cạnh tranh. Bên cạnh đó, tình hình thủy văn không thuận lợi trên khắp cả nước và trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, mùa mưa năm nay tới trễ và kết thúc sớm hơn mọi năm. Tuy nhiên, nhà máy Đa M'bri tiếp tục duy trì ở sản lượng cao và hoàn thành kế hoạch sản lượng điện năm 2015 với mức lũy kế lên đến 357,8 triệu kWh, vượt sản lượng thiết kế 5,8%.

Mặc dù nhà máy ĐaM'bri vượt kế hoạch sản lượng điện đề ra, nhưng chủ yếu do lấy một phần nước dự trữ trong hồ để phát do yêu cầu của hệ thống điện làm giảm mực nước hồ tích đến cuối năm 2015 dự kiến chỉ đạt cao trình 610,5m không đạt cao trình mực nước dâng bình thường là 614m.

Do nhà máy Đa M'bri khai thác được vào các giờ có giá bình quân cao và tham gia thị trường điện mang lại hiệu quả phát điện cao hơn cho nhà máy (doanh thu tăng thêm từ thị trường điện của nhà máy Đa M'bri là 31,7 tỷ đồng so với giá bán điện của hợp đồng) nên doanh thu phát điện của nhà máy Đa M'bri đã đạt 393,7 tỷ đồng, tăng 4,6% so với năm 2014. Có được sự thành công này nhờ sự quyết tâm nỗ lực của toàn thể người lao động cùng sự chỉ đạo tận tình của Ban lãnh đạo, nhà máy Đa M'bri đã đi vào hoạt động ổn định, công tác vận hành luôn được đảm bảo với độ an toàn cao.



Nhà máy Đa Siat

Năm 2015, nhà máy Đa Siat tiếp tục duy trì sự phát triển vững chắc. Đa Siat và Đa Dâng 2 khởi đầu vào năm 2010 với thành tích không được sáng sủa như Đa M'brì, sản lượng chỉ đạt 40,0 và 55,0 triệu kWh, tương đương với 67,4% và 36,2% sản lượng thiết kế. Tuy nhiên sản lượng điện của các nhà máy đã tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm qua.

Nhà máy Đa Siat đạt đỉnh sản lượng vào năm 2014 với 69,8 triệu kWh (tăng 8,5% so với cùng kỳ), vượt 17% sản lượng thiết kế và hoàn thành 114% kế hoạch cả năm. Năm 2015, tình hình thủy văn không thuận lợi, sản lượng điện của nhà máy Đa Siat chỉ đạt 63,8 triệu kWh, thấp nhất trong 5 năm qua, bằng 96,7% kế hoạch đặt ra, tuy nhiên, sản lượng điện vẫn vượt 7,6% so với sản lượng thiết kế của nhà máy. Sản lượng điện của nhà máy Đa Siat trong giai đoạn 2011 – 2015 tương đối ổn định, bình quân lên đến 66 triệu kWh, bỏ xa bước khởi đầu không mấy khả quan ở năm 2010.

Nhà máy Đa Dâng 2

Tháng 09/2010, nhà máy Đa Dâng 2 bước vào giai đoạn chạy thử thách trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt, hạn hán kéo dài trên cả nước, ảnh hưởng trầm trọng đến hoạt động sản xuất của các nhà máy thủy điện trên cả nước. Kết thúc năm, sản lượng điện thương phẩm của Đa Dâng 2 ở mức rất khiêm tốn, chỉ 55,0 triệu kWh. Tuy nhiên cũng như Đa Siat, bước khởi đầu không thuận lợi chỉ làm tăng thêm quyết tâm cho toàn bộ tập thể SHP.

Trong suốt giai đoạn 2010 - 2014, mỗi năm trôi qua là một kỷ lục sản lượng mới được lập ra với Đa Dâng 2 và đạt đỉnh điểm 214,6 triệu kWh năm 2014, tương đương với 141,1% sản lượng thiết kế, một hiệu suất hoạt động mà ít nhà máy thủy điện nào có thể đạt được.

Tuy nhiên, giống như các nhà máy thủy điện khác trong cả nước, chịu ảnh hưởng nặng nề của hiện tượng El nino kéo dài, sản lượng điện năm 2015 chỉ đạt 169,6 triệu kWh, bằng 91,2% chỉ tiêu kế hoạch. Mặc dù vậy, so với các nhà máy thủy điện khác, sản lượng điện của nhà máy Đa Dâng 2 đạt được vẫn là con số đáng khích lệ, khi vượt sản lượng thiết kế 11,5%, thể hiện sự vận hành hiệu quả của nhà máy.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Hiện tại, Công ty đang tập trung vận hành ổn định để phát huy hiệu quả 03 nhà máy thủy điện và chưa có dự án nào đang trong quá trình đầu tư, thực hiện. Tuy nhiên, Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư một số dự án thủy điện vừa và nhỏ và đầu tư vào các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo khác...



Mặc dù sản lượng không đạt kế hoạch đề ra, nhưng do tận dụng được sản lượng phát vào giờ cao điểm mùa khô của cơ chế chi phí tránh được nên giá bán điện bình quân của nhà máy Đa Siat cao. Giá bán điện trung bình của nhà máy Đa Siat tăng 25,3% so với năm 2014, nhờ vậy, doanh thu bán điện năm 2015 của nhà máy Đa Siat tăng 14,4% so với năm 2014, đạt 71,2 tỷ đồng.



Cũng giống như nhà máy Đa M'brì, việc tham gia thị trường điện đã mang lại hiệu quả phát điện cao hơn cho nhà máy Đa Dâng 2. So với giá bán điện trên hợp đồng, doanh thu tăng thêm từ thị trường điện của nhà máy Đa Dâng 2 đạt 7,0 tỷ đồng. Mặc dù sản lượng điện chỉ bằng 79% so với năm 2014, nhưng do tận dụng phát điện vào các giờ có giá bình quân cao, doanh thu của nhà máy Đa Dâng 2 vẫn đạt 129,8 tỷ đồng, bằng 82,3% so với năm 2014.

TĂNG TRƯỞNG DOANH THU, LỢI NHUẬN

Mặc dù không đạt sản lượng kế hoạch đặt ra do điều kiện thủy văn không thuận lợi, tuy nhiên, kết thúc năm 2015, SHP vẫn xuất sắc hoàn thành vượt 7,4% kế hoạch doanh thu cả năm với tổng doanh thu bán điện năm 2015 đạt 594,69 tỷ đồng, xấp xỉ doanh thu bán điện của năm 2014.

Năm 2015, lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 169,48 tỷ đồng, bằng 74,85% năm 2014. Lợi nhuận trước thuế năm 2015 giảm mạnh so với năm 2014 là do một số nguyên nhân như sau:

- Chi phí hoạt động cho tổ máy số 2 của nhà máy ĐaM'بری như chi phí khấu hao, chi phí nhân công, lãi vay, quản lý chung được tính trong cả năm 2015, còn trong năm 2014, các chi phí này chỉ được tính vào chi phí từ cuối tháng 05/2014 khi tổ máy số 02 đi vào hoạt động. Chi phí khấu hao năm 2015 tăng 25,65 tỷ đồng so với năm 2014, lên 178,35 tỷ đồng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: trong năm 2015 chi phí này cũng tăng từ 27,51 tỷ đồng lên 32,39 tỷ đồng, do (i) Công ty tạm tính chi phí tiền lương theo chỉ tiêu lợi nhuận năm 2015 đạt từ 110% trở lên và (ii) phát sinh thêm chi phí lãi ủy thác thực hiện hợp đồng nhập khẩu thiết bị của dự án ĐaM'بری khi Ngân hàng Phát triển Việt Nam-CN Lâm Đồng không bố trí đủ vốn.
- Chi phí thuế tài nguyên nước: giá phí của thuế tài nguyên nước tăng từ giữa tháng 03/2015 (từ 1.508,55 đồng/kWh lên 1.622,01 đ/kWh).
- Chi phí lãi vay: do phát sinh thêm khoản vay bổ sung 200 tỷ đồng của ngân hàng VIB, chi phí lãi vay tăng nhẹ so với năm 2014, từ 126,74 tỷ đồng lên 131,83 tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cả năm đạt 164,56 tỷ đồng, bằng 74,76% so với năm trước, tuy nhiên, so với kế hoạch được ĐHCĐ đề ra, lợi nhuận sau thuế vượt 17,6% kế hoạch.

CÔNG TÁC SỬA CHỮA, ĐẦU TƯ, TRUNG ĐẠI TU CÁC NHÀ MÁY

Công tác sửa chữa nhà máy, đầu tư văn phòng

- Hoàn tất công tác nâng cấp 4km đường giao thông nhà máy Đa Siat, xử lý sạt trượt đường giao thông nhà máy Đa M'بری.
- Công ty đã thực hiện công tác cải tạo mặt tiền, sơn lại tường nhà máy Đa Siat và nhà máy Đa Dâng 2.
- Đã triển khai thi công xây dựng Văn phòng Chi nhánh vào đầu tháng 09/2015. Dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng trong Quý II/2016.

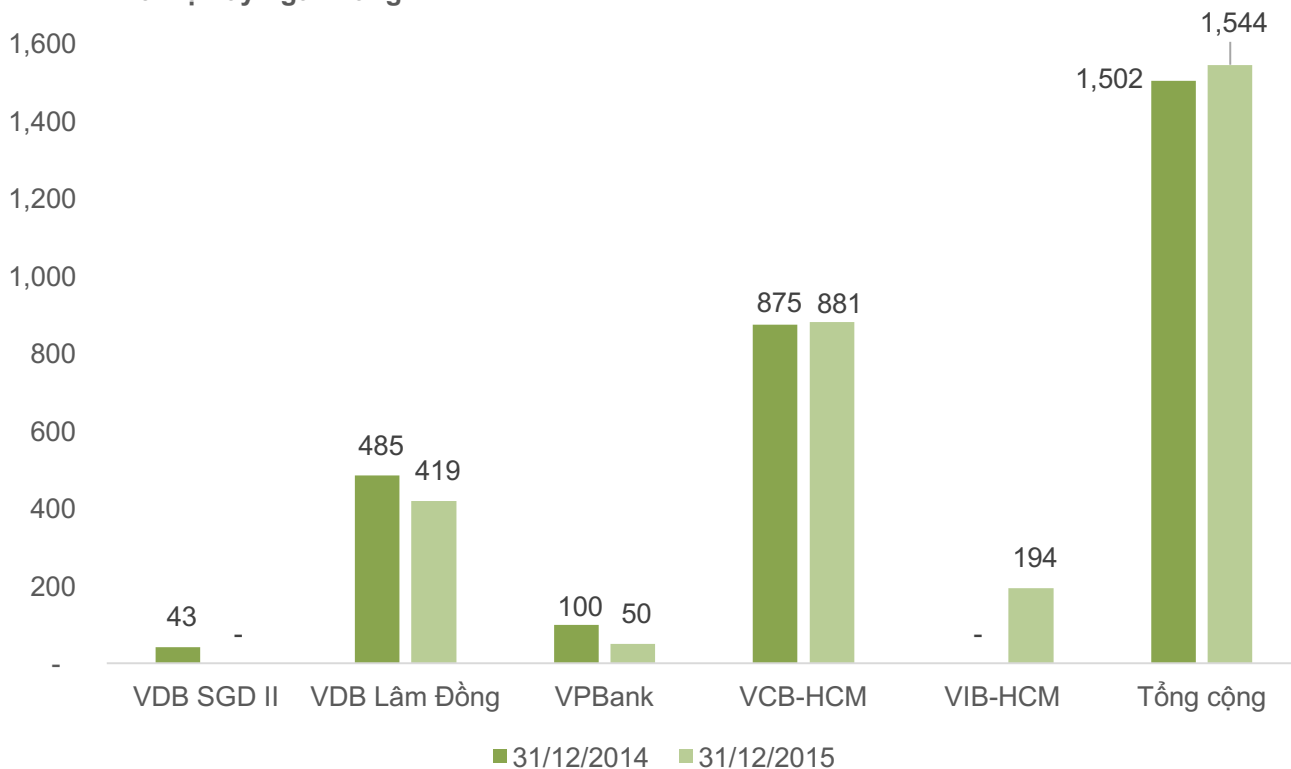
Kiểm tra, trung đại tu các nhà máy

Công ty đã hoàn tất công tác trung đại tu thiết bị các tổ máy của nhà máy Đa Siat và Đa Dâng 2. Công tác trung đại tu được thực hiện trong mùa khô và trên từng tổ máy nên vẫn duy trì phát điện và không để mất nước.

Công tác kiểm tra thiết bị hai tổ máy và kiểm tra đường hầm sau 1 năm vận hành nhà máy ĐaM'بری đã được tiến hành cùng các đơn vị liên quan, kết quả kiểm tra đường hầm không có dấu hiệu bất thường, các thiết bị của 02 tổ máy vận hành ổn định.

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TÍN DỤNG ĐÃ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2015*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

Stt	Ngân hàng	Dư nợ đầu năm 2015	Giải ngân năm 2015	Nợ gốc vay đã trả năm 2015	Lãi vay đã trả năm 2015	Dư nợ cuối năm 2015
1	VDB SGD II	42,56	-	42,56	1,52	-
2	VDB Lâm Đồng	485,14	-	66,16	31,75	418,98
3	VPBank	100,00	-	50,00	7,36	50,00
4	VCB-HCM	874,62	19,21	12,84	83,79	881,00
5	VIB-HCM	-	200,00	6,00	7,81	194,00
Tổng cộng		1.502,33	219,21	177,56	132,23	1.543,98

Tình hình Dư nợ vay ngân hàng



Nhà máy thủy điện Đa Siat

Đến tháng 11/2014, Công ty đã trả hết nợ tín dụng đối với dự án nhà máy thủy điện Đa Siat. Trong năm 2015, nhà máy Đa Siat không phát sinh nợ vay và lãi vay.

Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2

Dư nợ vay đến cuối năm 2014 là 42,56 tỷ đồng, Công ty đã trả hết nợ vay trong năm 2015.

Nhà máy thủy điện Đa M'brì

Stt	Ngân hàng	Dư nợ cuối năm 2015	Lãi suất	Thời gian trả nợ
1	VDB CN Lâm Đồng	418,98	6,9%/năm	2015 – 2022
2	VCB CN Tp. Hồ Chí Minh	881,00	LS tiết kiệm + 2,7%	2015 – 2025
3	VPBank	50,00	LS tiết kiệm + 2,5%	2015 – 2016
4	VIB HCM	194,00	LS tiết kiệm + 2,5%	2015 – 2020
Tổng cộng		1.543,98		

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

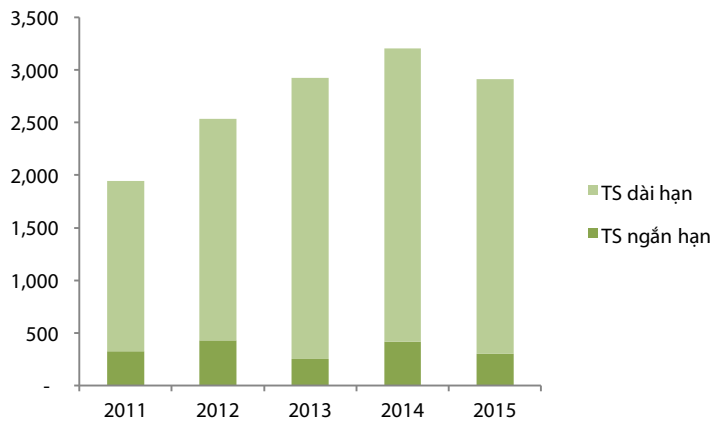
Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015	% tăng giảm 2015 so với 2014
Tổng giá trị tài sản	1,946	2,533	2,927	3,206	2,913	(9,1%)
Doanh thu thuần	155	177	194	596	595	(0.2%)
Lợi nhuận từ HĐKD	65	93	103	226	174	(23.6%)
Lợi nhuận khác	0	2	1	0	(4)	
Lợi nhuận trước thuế	65	95	104	226	169	(25.4%)
Lợi nhuận sau thuế	63	91	104	220	165	(25.0%)

Tổng tài sản của SHP tại ngày 31/12/2015 là 2.912,98 tỷ đồng, giảm 9,13% so với cùng kỳ năm 2014. Lượng tiền của Công ty tăng mạnh 46,9% so với cùng kỳ năm 2014, với dư tiền đạt 157,84 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2015.

Tài sản cố định hữu hình chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản

Đây là đặc trưng của tất cả các doanh nghiệp thủy điện nói chung, tuy nhiên tỷ trọng tài sản này ở SHP là khá lớn (lên đến 89,4% tổng tài sản) do các nhà máy chỉ mới đi vào hoạt động được ít năm, hầu hết tổng khấu hao lũy kế chưa nhiều. Các tài sản khác chủ yếu là tiền và các khoản phải thu ngắn hạn với tỷ trọng 9,5%.



TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

3.109 tỷ đồng
NGUYÊN GIÁ

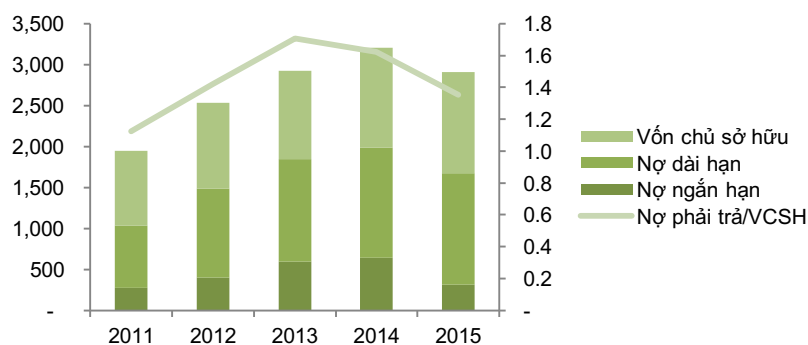
89,4% TỔNG TÀI SẢN

Tình hình nguồn vốn

Tổng nợ phải trả của SHP tại thời điểm 31/12/2015 là 1.676,0 tỷ đồng, giảm 15,5% so với cùng kỳ năm 2014. Tuy nhiên, tổng nợ vay của SHP đã tăng nhẹ, từ 1.502,3 tỷ đồng lên 1.544,0 tỷ đồng. Nguyên nhân chính là do Công ty vay dài hạn thêm 200 tỷ đồng từ VIB và giải ngân tiếp 19,2 tỷ đồng từ vay dài hạn của VCB để tài trợ nguồn vốn. Tỷ trọng nợ phải trả trên tổng nguồn vốn có xu hướng giảm dần, do các nhà máy đã đi vào hoạt động và hiệu quả. Tại thời điểm 31/12/2015, nợ phải trả chiếm 57,5% tổng nguồn vốn, giảm nhẹ so với cùng kỳ.

Vốn chủ sở hữu của SHP năm 2015 đạt 1.237,0 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2014, trong đó vốn điều lệ là 937,1 tỷ đồng. Tỷ lệ tăng trưởng vốn chủ sở hữu bình quân giai đoạn 2011- 2015 là 7,8%/năm.

Trong những năm trước, cơ cấu nguồn vốn có xu hướng tăng tỷ trọng của nợ vay để đầu tư cho dự án Đa M'bri. Kể từ năm 2014, nhà máy Đa M'bri bắt đầu đi vào hoạt động và đem lại lợi nhuận, cơ cấu nguồn vốn ngay lập tức thay đổi ngược lại với xu hướng những năm trước.



1.237

 tỷ đồng
VỐN CHỦ SỞ HỮU

TĂNG TRUNG BÌNH 7,8%/NĂM GB 2011 - 2015

Cụ thể, tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu đã giảm mạnh từ 1,71 lần (tại 31/12/2013) xuống còn 1,35 lần tại 31/12/2015. Tỷ trọng vốn chủ sở hữu tăng trong năm 2015 là nhờ hoạt động hiệu quả của các nhà máy thủy điện, giúp Công ty có thể trả đầy đủ và đúng hạn khoản vay, lợi nhuận để lại để tái đầu tư cao trong khi mức cổ tức chi trả hàng năm cho các cổ đông được đảm bảo.

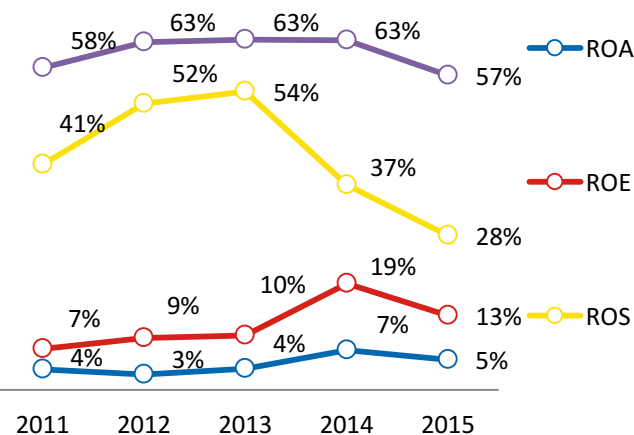
Năng lực hoạt động

Chỉ tiêu năng lực hoạt động	2011	2012	2013	2014	2015
Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	184.57	122.64	81.25	156.01	103.36
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (vòng)	0.08	0.07	0.07	0.19	0.20

Do đặc thù ngành thủy điện có tổng tài sản lớn, trong khi các nhà máy thủy điện của SHP mới đi vào hoạt động nên chỉ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản ở mức rất thấp. Tuy nhiên, theo thời gian, việc vận hành ổn định các nhà máy và khấu hao tài sản, chỉ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản sẽ được cải thiện dần.

Hiệu quả hoạt động kinh doanh

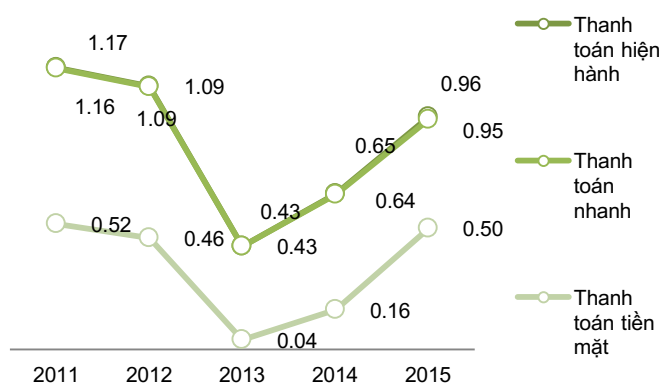
Các chỉ số về hiệu quả hoạt động kinh doanh của SHP đều đạt mức khá cao, các chỉ số ROA, ROE có xu hướng tăng dần, biên lợi nhuận gộp của Công ty duy trì khoảng 63% trong giai đoạn 2011 – 2014, giảm còn 56,6% trong năm 2015. Kể từ khi tổ máy số 02 của nhà máy Đa M'ri đi vào vận hành từ cuối tháng 5/2014, chi phí lãi vay cùng chi phí khấu hao cao làm cho các chỉ số sinh lợi trong năm 2015 của SHP bị giảm sút so với năm 2014.



Đây là đặc điểm chung của ngành thủy điện do các chi phí phát sinh luôn cao nhất ở những năm đầu hoạt động, tỷ lệ này sẽ dần dần được cải thiện trong những năm tiếp theo, khi chi phí lãi vay và khấu hao giảm dần, trong khi sản lượng phát điện cao và ổn định hơn.

Khả năng thanh toán

Các chỉ số về khả năng thanh toán của SHP ở mức khá thấp, đặc biệt là năm 2013 khi chỉ số thanh toán hiện hành sụt giảm mạnh so với 2012. Tuy nhiên, từ năm 2013 trở lại đây, các chỉ số thanh toán của Công ty đã được cải thiện dần. Tại thời điểm 31/12/2015, khi các nhà máy của SHP đã đi vào hoạt động ổn định, mang lại hiệu quả kinh tế cao, các chỉ số thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh lần lượt đạt 0,96 và 0,95 lần. Trong thời gian tới, các nhà máy thủy điện tiếp tục được vận hành ổn định và mang lại hiệu quả cao, các chỉ số thanh toán của SHP sẽ tiếp tục được nâng cao.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015

Trong năm 2015, hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam có thể đánh giá là hiệu quả, các nghị quyết, quyết định của HĐQT đã luôn bám sát tình hình thực tế, đáp ứng kịp thời hoạt động của Công ty nhằm hoàn thành kế hoạch năm đã được ĐHCĐ thông qua.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời và cùng với Ban Điều hành Công ty giải quyết các vấn đề khó khăn về nguồn vốn và hoạt động sản xuất kinh doanh tại 03 nhà máy thủy điện của Công ty.

Năm 2015, HĐQT đã ra các nghị quyết, quyết định theo đúng thẩm quyền, quy định của Điều lệ và pháp luật về các vấn đề chủ yếu sau:

- Tổng kết tình hình hoạt động năm 2014 và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2015.
- Chỉ đạo việc chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 và giám sát việc thực thi các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Năm 2015, HĐQT đã tiến hành 03 cuộc họp để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT. HĐQT đã ban hành 09 Nghị quyết. Biên bản, Nghị quyết HĐQT đã được gửi đầy đủ cho các thành viên HĐQT.

Các cuộc họp của HĐQT đều có mời Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc tham dự họp để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các chiến lược, định hướng kinh doanh, chỉ đạo của HĐQT đối với Ban Điều hành.

Stt	Thành viên	Chức danh	Số buổi họp	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Hồ Quang Ái	Chủ tịch HĐQT	3/3	100%	
2	Trịnh Phi Anh	Thành viên HĐQT	3/3	100%	
3	Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT	3/3	100%	
4	Nguyễn Việt Tuấn	Thành viên HĐQT	3/3	100%	
5	Lê Chí Phước	Thành viên HĐQT	3/3	100%	
6	Nguyễn Hữu Phương	Thành viên HĐQT	0/3	0%	Bận công tác
7	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	3/3	100%	

Ghi chú: Trong năm định kỳ mỗi quý Công ty họp HĐQT 1 lần. Do Công ty chờ kết thúc quý 4/2015 nên cuộc họp HĐQT lần thứ 4 được dời qua tháng 01/2016 để tổng hợp tình hình hoạt động cả năm 2015.

- Chỉ đạo triển khai thực hiện theo các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chỉ đạo triển khai chi trả cổ tức năm 2014.
- HĐQT phối hợp với Ban kiểm soát tổ chức hoạt động, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động kinh doanh và công tác quản lý Công ty.

“Nâng cao công tác quản trị điều hành công ty theo định hướng chuyên nghiệp hiện đại và ứng dụng các các hình thức quản trị tiên tiến là yếu tố làm nên sự thành công của Công ty.”

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành 03 nghị quyết liên quan đến công tác sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư, tài chính, trả cổ tức,... Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên, phù hợp với Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	02/NQ-CPTĐMN-HĐQT	08/01/2015	<p>Thống nhất đánh giá Công ty hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014.</p> <p>Giao Công ty làm việc với các cơ quan liên quan để địa phương phê duyệt chi phí đền bù diện tích chèn của Công ty Tâm Châu.</p> <p>Giao Công ty triển khai thực hiện việc cấm mốc bảo vệ lòng hồ tránh người dân lấn chiếm và tranh chấp về sau.</p> <p>Về tín dụng dự án thủy điện Đa M'brì: thống nhất thực hiện theo phương thức vay vốn từ ngân hàng.</p> <p>Về đầu tư văn phòng làm việc Chi nhánh Lâm Đồng.</p> <p>Về chi phí tiền lương năm 2014 và kế hoạch năm 2015.</p> <p>Về kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015.</p>
2	04/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	25/02/2015	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu. Gói thầu trang bị bánh xe công tác – Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2.
3	07/ NQ-CPTĐMN-HĐQT	10/04/2015	<p>Về chi phí hoạt động năm 2015.</p> <p>Về thống nhất dự thảo các báo cáo Đại hội đồng cổ đông năm 2015.</p>
4	14/ QĐ-CPTĐMN-HĐQT	27/04/2015	Phê duyệt điều chỉnh giá gói thầu và giá trị hợp đồng các gói thầu công trình thủy điện Đa M'brì.
5	17/ QĐ-CPTĐMN-HĐQT	29/05/2015	Chốt ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền trả cổ tức năm 2014.
6	18/ QĐ-CPTĐMN-HĐQT	29/05/2015	Phê duyệt kế hoạch chi phí hoạt động năm 2015.
7	19/ QĐ-CPTĐMN-HĐQT	28/06/2015	Phê duyệt đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015.
8	20/ QĐ-CPTĐMN-HĐQT	24/06/2015	Phê duyệt chi phí tiền lương và tiền thưởng vận hành an toàn điện năm 2015.
9	24/NQ-CPTĐMN-HĐQT	27/08/2015	<p>Về kết quả sản xuất kinh doanh các tháng đầu năm 2015.</p> <p>Về dự kiến kế hoạch thực hiện các tháng cuối năm 2015: Công ty tổng hợp số liệu thực hiện sản lượng quý III và có kế hoạch dự phòng để hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2015.</p> <p>Về thu hồi tiền đền bù đường dân sinh.</p>

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Trong năm 2015, HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam đã phối hợp với Ban kiểm soát Công ty, tiến hành các hoạt động giám sát với Ban Tổng Giám Đốc và các công việc quản lý điều hành khác về các vấn đề như sau:

- Chỉ đạo việc chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 và giám sát việc thực thi nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
- Chỉ đạo triển khai thực hiện theo các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chỉ đạo triển khai chi trả cổ tức năm 2014.
- Thực hiện giám sát công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Qua công tác kiểm tra cho thấy Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị với nỗ lực cao. Do đó, Công ty đã đạt được kết quả tốt trong năm 2015. Doanh thu thuần đạt 594,69 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 169,48 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 164,56 tỷ đồng, vượt chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đề ra. Đời sống người lao động ổn định, thu nhập bình quân đạt 16,87 triệu đồng/người/tháng.

Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng quản trị trong năm 2015

Hội đồng quản trị công ty không thành lập các tiểu ban.

Những thay đổi trong thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2015

Không có sự thay đổi nào.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015

Đặc điểm môi trường kinh doanh năm 2015

Năm 2015 là năm có El nino cường độ mạnh kỷ lục như năm 1997/1998 và kéo dài nhất trong 60 năm qua. Mùa mưa đến muộn và kết thúc sớm. Tháng 5, Miền Đông Nam bộ và Tây nguyên vẫn còn những đợt nắng nóng bất thường, mùa mưa năm 2015 bắt đầu từ trung tuần tháng 6, chậm hơn 1,5 tháng so với trung bình nhiều năm.

Do ảnh hưởng của hiện tượng El nino nên tình hình thủy văn của các hồ thủy điện khu vực Miền Nam không thuận lợi. Truyền tải trên lưới điện 500kV thường xuyên ở mức cao với yêu cầu vừa tối ưu việc khai thác nước các hồ thủy điện vừa phải đảm bảo an toàn cho hệ thống điện. Trong khi đó, nguồn nhiệt điện than mới ở khu vực miền Nam thường xuyên vận hành không ổn định, gây tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định hệ thống.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015

Do tình hình thủy văn không thuận lợi, sản lượng điện thực hiện năm 2015 của 3 nhà máy thủy điện của Công ty là 591,15 triệu kWh, bằng 97,4% so với kế hoạch năm. Tuy không đạt kế hoạch, nhưng sản lượng điện vẫn vượt 7,6% so với sản lượng thiết kế.

Mặc dù sản lượng không đạt kế hoạch đề ra, nhưng do tận dụng được sản lượng phát vào giờ cao điểm mùa khô của nhà máy Đasiat, nhà máy Đa Dâng 2 và Đa M'brì khai thác được vào các giờ có giá bình quân cao nên doanh thu phát điện của Công ty năm 2015 vượt 7,4% kế hoạch.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2015 đạt 164,6 tỷ đồng, bằng 117,6% kế hoạch đề ra.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2015	Tỷ lệ đạt kế hoạch 2015
1	Sản lượng	Triệu kwh	591,2	607,0	97,4%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	594,7	553,6	107,4%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	164,6	140,0	117,6%

Đánh giá về các mặt hoạt động khác

Hoạt động duy tu, bảo trì, sửa chữa các nhà máy

- Hoàn tất công tác nâng cấp 4km đường giao thông nhà máy Đasiat, xử lý sạt trượt đường giao thông nhà máy Đa M'brì.
- Triển khai thi công xây dựng Văn phòng Chi nhánh vào đầu tháng 09/2015. Dự kiến hoàn tất vào Quý II/2016.
- Hoàn tất công tác trung đại tu thiết bị các tổ máy của nhà máy thủy điện Đa Siat và Đa Dâng 2. Công tác trung đại tu được thực hiện trong mùa khô và trên từng tổ máy nên vẫn duy trì phát điện và không để mất nước.
- Kiểm tra thiết bị hai tổ máy và kiểm tra đường hầm sau 1 năm vận hành nhà máy Đa M'brì.

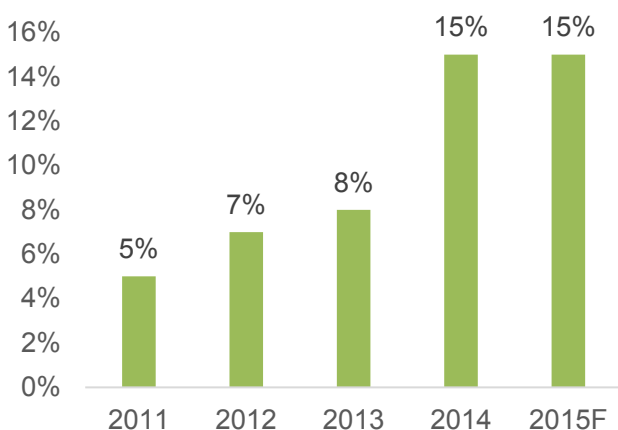


Đánh giá các mặt hoạt động khác (tiếp theo)

Công tác tài chính

Công ty đã vay thêm 200 tỷ từ VIB để bổ sung vốn, vì vậy, lãi vay năm 2015 cao hơn so với kế hoạch. Tuy nhiên, việc Công ty đàm phán lại với các ngân hàng, giảm lãi suất cho vay margin của các khoản vay trung bình từ 3,5% xuống còn 2,5%, nhờ vậy, trong năm 2015, Công ty đã tiết kiệm được khoảng 3,2 tỷ đồng chi phí lãi vay so với lãi suất chưa giảm.

Công tác cổ đông, chi trả cổ tức



Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho năm 2014 với mức chi trả 1.500đồng/cổ phần cho cổ đông.

15% Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến cho năm 2015

Nguyên nhân đạt được kết quả năm 2015

- Các nhà máy hoạt động ổn định, đảm bảo an toàn, giảm thiểu tối đa tình trạng thất thoát nước khi bảo dưỡng, duy tu các tổ máy.
- Sự hỗ trợ, giúp đỡ của Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia, các đối tác, các cấp chính quyền địa phương.
- Bám sát và theo dõi kết quả thực hiện theo chiến lược đề ra, linh hoạt trong quá trình điều hành và quyết tâm, nỗ lực phấn đấu của tập thể người lao động Công ty.

Những việc chưa làm được

- Công tác đền bù bổ sung khu vực lòng hồ thủy điện Đa Dâng 2 chậm so với tiến độ đề ra, làm ảnh hưởng tới công tác quyết toán dự án Đa Dâng 2.
- Chưa xử lý được tình trạng lấn chiếm đất khu đầu mối dự án Đa M'ri.
- Tiếp tục đề nghị chính quyền địa phương giải quyết tồn tại trong công tác đền bù với Công ty TNHH Tâm Châu.

“Qua kết quả trên, Hội đồng quản trị đánh giá Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2015 và để có thể thực hiện các mục tiêu của năm 2015, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã chủ động trong công tác điều hành cùng với sự quan tâm giúp đỡ của các Cơ quan, Ban, Ngành liên quan cũng như sự thông cảm, sẻ chia từ các cổ đông và sự nỗ lực cố gắng của toàn thể người lao động trong Công ty.”

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trải qua 1 năm đầy khó khăn và thử thách, Ban Tổng giám đốc đã sát sao với công việc, có trách nhiệm cao trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, nỗ lực thực hiện các biện pháp để nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh và hoàn thành kế hoạch được giao.

Trong công tác điều hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã bám sát các nghị quyết của HĐQT để thực hiện theo đúng phân cấp, phân quyền theo Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT. Khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết, Tổng Giám đốc điều hành Công ty xin ý kiến của HĐQT kịp thời để tổ chức thực hiện. Do có Tổng giám đốc cũng là thành viên HĐQT của Công ty, nên việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông diễn ra nhanh chóng, suôn sẻ.

ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2016

Theo nhận định năm 2016 hiện tượng El Niño vẫn tiếp diễn, mực nước hồ đến cuối năm 2015 thiếu hụt so với cao trình mực nước dâng bình thường, tình hình lãi suất có xu hướng tăng trong năm 2016, giá trần thị trường điện năm 2016 giảm so với năm 2015. Trong bối cảnh khó khăn, HĐQT đánh giá rằng trong năm 2016, sẽ là thách thức rất lớn với Công ty khi đưa nhà máy Đa M'بری tham gia thị trường phát điện cạnh tranh và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục tập trung củng cố công tác vận hành phát điện các nhà máy, triển khai thi công lắp đặt dây chống sét cho đường dây 22kV nhà máy Đa Siat, công tác bảo trì, bảo dưỡng các tổ máy của nhà máy Đa Siat và Đa Dâng 2 cũng phải được đôn đốc, theo dõi nhằm nhanh chóng đưa các tổ máy này đi vào sản xuất trở lại trong điều kiện an toàn, ổn định và tiết kiệm chi phí.

Trong tình hình điều kiện thủy văn không thuận lợi và thực hiện trung đại tu nhà máy Đa Siat và Đa Dâng 2, dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Tổng Giám đốc, Công ty đã nỗ lực hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2015 đề ra, cụ thể: doanh thu đạt 594,69 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 169,48 tỷ đồng. Đây là thành tích được HĐQT đánh giá rất cao, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, điều hành Công ty hiệu quả, tiết kiệm, đúng pháp luật và được người lao động trong Công ty tín nhiệm, quan hệ tốt với đối tác chính quyền địa phương và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước cũng như đảm bảo chính sách cho nhân sự của Công ty.

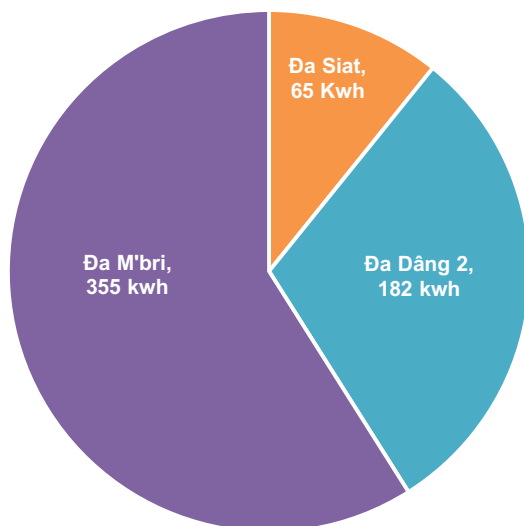
Kế hoạch tổng quát:

- Phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản lượng và doanh thu của năm 2016.
- Đưa nhà máy Đa M'بری tham gia thị trường phát điện cạnh tranh hiệu quả.
- Hoàn thành công tác quyết toán dự án Đa Dâng 2 và Đa M'بری.
- Đàm phán lại giá bán điện của nhà máy Đa M'بری cho giai đoạn từ năm 2016 trở đi.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh, phân phối lợi nhuận

Sau khi phân tích lựa chọn phương án sản lượng các nhà máy trong năm 2016 phù hợp với điều kiện chung và thực tế qua các năm vận hành, HĐQT đề xuất kế hoạch SXKD năm 2016 và phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	% KH 2016/TH 2015
1	Tổng sản lượng điện	Triệu kWh	591,2	602,0	101,8%
	<i>Nhà máy Đa Siat</i>	<i>Triệu kWh</i>	63,8	65,0	101,9%
	<i>Nhà máy Đa Dâng 2</i>	<i>Triệu kWh</i>	169,6	182,0	107,3%
	<i>Nhà máy Đa M'bri</i>	<i>Triệu kWh</i>	357,8	355,0	99,2%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	594,7	581,9	97,8%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	169,5	165,6	97,7%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	164,6	160,5	97,6%
5	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%		Tối thiểu 15,0%	



602 triệu kWh
KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG ĐIỆN

BẰNG 109,5% SẢN LƯỢNG THIẾT KẾ CỦA 3 NHÀ MÁY

582 tỷ đồng
DOANH THU BÁN ĐIỆN

161 tỷ đồng
LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Mặc dù dự kiến tình hình thủy văn tiếp tục không thuận lợi, HĐQT vẫn quyết tâm đề ra mục tiêu trong năm 2016 SHP duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định như kết quả đạt được trong năm 2015.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Các cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm

Trong năm 2015, Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp với đầy đủ các thành viên tham gia để tổng kết kết quả các công việc đã thực hiện trong kỳ, lập kế hoạch làm việc cho kỳ kế tiếp.

Ngoài ra, Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh và tham gia ý kiến, tham gia một số cuộc họp định kỳ hàng tháng giữa Ban Lãnh đạo của Công ty với các nhà thầu thi công công trình, đồng thời thực hiện công tác kiểm tra thực địa một số hạng mục công trình đang xây dựng/sửa chữa và trung đại tu tại các nhà máy.

Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia một số cuộc họp giữa Ban lãnh đạo Công ty với nhà thầu thi công công trình, đồng thời thực hiện công tác kiểm tra thực địa một số hạng mục công trình đang thi công, sửa chữa và trung đại tu tại các nhà máy.
- Ban kiểm soát đã nhận được sự hỗ trợ của Hội đồng quản trị và sự hợp tác của Lãnh đạo Công ty cũng như người lao động Công ty khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Trong các buổi họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã được hỏi ý kiến cũng như đã chủ động tham gia các ý kiến góp ý liên quan đến đầu tư xây dựng và sản xuất của Công ty.
- Định kỳ hàng, quý và 6 tháng, Ban kiểm soát kiểm tra về công tác tài chính kế toán, kết quả sản xuất kinh doanh, chi phí quản lý, chi phí đầu tư; kiểm tra tình hình sử dụng lao động, thực hiện chính sách với người lao động.
- Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập thẩm tra các BCTC 6 tháng và cả năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành. Đồng thời, ghi nhận và triển khai thực hiện các ý kiến tư vấn của kiểm toán độc lập nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý tài chính của Công ty.
- Đánh giá và góp ý chỉnh sửa các quy chế quản lý tài chính và quy trình mua sắm tại Công ty, song song với công tác kiểm tra việc tuân thủ các quy trình, quy chế.
- Trong năm 2015 Ban kiểm soát không nhận được đơn, thư hay phản ánh bằng văn bản nào của Cổ đông liên quan đến hoạt động sản xuất của Công ty.

Đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty

Trong bối cảnh khó khăn chung của các doanh nghiệp thủy điện, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của SHP vẫn khả quan, vượt nhiều chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 đề ra, cụ thể:

- Doanh thu thuần năm 2015 đạt 594,69 tỷ đồng, vượt 7,4% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 169,48 tỷ đồng, đạt 116,3% kế hoạch năm 2015, lợi nhuận sau thuế đạt 164,56 tỷ đồng, vượt 17,6% kế hoạch được giao.

Ban kiểm soát đã xem xét Báo cáo tài chính 6 tháng, Báo cáo tài chính năm 2015, thống nhất với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 và các chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính thể hiện đầy đủ, rõ ràng, phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty.

Trong năm 2015, Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát không nhận thấy bất cứ điều gì bất thường trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty.

Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định của Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật và Công ty, đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các nghị quyết và quyết định của HĐQT liên quan đến hoạt động của Công ty đã được ban hành trong phạm vi và trách nhiệm của HĐQT. Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và tuân thủ pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT Công ty đã thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ của mình, đã giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐQT, kiên quyết chỉ đạo Công ty thực hiện dự án đúng tiến độ, điều hành sản xuất đạt kế hoạch giao.

Mặc dù điều kiện thủy văn không thuận lợi, cùng với việc thực hiện trung đại tu nhà máy Đa Siat và Đa Dâng 2, nhưng hoạt động của các nhà máy thủy điện vẫn được đảm bảo, vận hành an toàn. Ban kiểm soát đánh giá Ban lãnh đạo Công ty đã có nhiều cố gắng và nỗ lực trong việc điều hành hoạt động theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Lãnh đạo và người lao động Công ty đã thể hiện tính tích cực chủ động, có trách nhiệm trong sản xuất, hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.

Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2015 theo Ban kiểm soát là cần trọng và có trách nhiệm.

Kiến nghị của Ban kiểm soát với HĐQT và Ban lãnh đạo Công ty

Đề nghị HĐQT và Ban Tổng Giám đốc tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác sản xuất điện tại các nhà máy và phát điện cạnh tranh đối với nhà máy Đa Dâng 2 và Đa M'bri để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc tiếp tục làm việc với Công ty mua bán điện để thương thảo lại giá điện cho Thủy điện Đa Dâng 2 và đàm phán giá điện cho nhà máy Đa M'bri để tăng lợi ích cho Cổ đông.

Tổ chức tốt công tác đền bù đối với các cá nhân và tổ chức có liên quan, giải quyết hợp lý tranh chấp tiền thu hồi tiền bồi thường và yêu cầu bồi thường đối với hộ dân tại dự án Đa Dâng 2, báo cáo, phối hợp với các cấp chính quyền địa phương để giải quyết diện tích đất thuộc dự án Đa M'bri bị lấn chiếm.

Thực hiện hoàn tất quyết toán vốn đầu tư dự án Nhà máy Đa Dâng 2 và Đa M'bri.

Phương hướng hoạt động Ban kiểm soát trong năm 2016

Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Giám sát HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016.

Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính và quyết toán vốn đầu tư dự án Nhà máy Đa Dâng 2 và Đa M'bri.

Tiếp tục rà soát, kiến nghị những vấn đề bất cập trong các quy trình, quy chế của Công ty, giám sát việc tuân thủ đúng các quy trình và quy chế.

THÔNG TIN VỀ BAN QUẢN TRỊ CÔNG TY

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số CP sở hữu	Số CP đại diện	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu
I	Hội đồng quản trị		98.371	64.735.071	64.833.442	69,185%
1	Ông Hồ Quang Ái	Chủ tịch	5.000	34.338.269	34.343.269	36,648%
2	Trịnh Phi Anh	Thành viên	3.000	-	3.000	0,003%
3	Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên	75.000	-	75.000	0,080%
4	Nguyễn Việt Tuấn	Thành viên	-	18.950.713	18.950.713	20,223%
5	Lê Chí Phước	Thành viên	2.686	-	2.686	0,003%
6	Nguyễn Hữu Phương	Thành viên	10.000	11.446.089	11.456.089	12,225%
7	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	2.685	-	2.685	0,003%
III	Ban Kiểm soát		33.600	-	33.600	0,035%
1	Hoàng Minh Dũng	Trưởng ban	20.000	-	20.000	0,021%
2	Thang Thanh Hà	Thành viên	7.600	-	7.600	0,008%
3	Tô Công Thanh Lộc	Thành viên	6.000	-	6.000	0,006%
II	Ban Tổng Giám đốc		94.770	-	94.770	0,101%
1	Nguyễn Văn Thịnh	Tổng GD	như trên	như trên	như trên	như trên
2	Nguyễn Vĩnh Châu	Phó TGD	93.250	-	93.250	0,100%
3	Nguyễn Dũng	Phó TGD	1.520	-	1.520	0,001%

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc có chứng chỉ đào tạo quản trị công ty

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Ông Trịnh Phi Anh	Ủy viên HĐQT
3	Ông Thang Thanh Hà	Thành viên Ban Kiểm soát
4	Ông Tô Công Thanh Lộc	Thành viên Ban Kiểm soát
5	Ông Nguyễn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Nguyễn Vĩnh Châu	Phó Tổng Giám đốc

6 số thành viên trong Ban điều hành và Ban kiểm soát có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2015

Trong năm 2015, Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam không có sự thay đổi nhân sự trong Ban điều hành.

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Thù lao
I	Hội đồng quản trị			552.000.000
1	Hồ Quang Ái	Chủ tịch HĐQT		120.000.000
2	Trịnh Phi Anh	Thành viên HĐQT		72.000.000
3	Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT		72.000.000
4	Nguyễn Việt Tuấn	Thành viên HĐQT		72.000.000
5	Lê Chí Phước	Thành viên HĐQT		72.000.000
6	Nguyễn Hữu Phương	Thành viên HĐQT		72.000.000
7	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT		72.000.000
III	Ban Kiểm soát			144.000.000
1	Hoàng Minh Dũng	Trưởng BKS		72.000.000
2	Thang Thanh Hà	Thành viên BKS		36.000.000
3	Tô Công Thanh Lộc	Thành viên BKS		36.000.000
	Tổng cộng			696.000.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Trong năm 2015, cổ đông nội bộ, người có liên quan cổ đông nội bộ và cổ đông lớn không thực hiện giao dịch cổ phiếu.

GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nội dung này được trình bày trong Mục 32 của Thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty năm 2015 đã kiểm toán. Cụ thể như sau:

Nghiệp vụ với các bên liên quan

Bên liên quan		Năm 2015	Năm 2014
		594.685.477.949	596.443.770.547
Doanh thu bán điện	Công ty Mua Bán Điện	523.455.412.812	534.174.824.419
	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	71.230.065.137	62.268.946.131
		97.102.606.500	51.788.056.800
Cổ tức	TCT Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	28.426.069.500	15.160.570.400
	Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	68.676.537.000	36.627.486.400
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		4.421.666.307	3.629.964.042
	Lương và các quyền lợi gộp khác	4.421.666.307	3.629.964.042
Hoạt động khác		7.420.728.039	-
	Lãi chậm thanh toán	7.420.728.039	-

Số dư cuối năm với các bên liên quan

Bên liên quan		Năm 2015	Năm 2014
		103.984.699.028	69.589.345.252
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Công ty Mua bán điện	88.323.924.357	63.140.667.192
	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	15.660.774.671	6.448.678.060
Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	222.558.008.892
	Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	-	222.558.008.892
Phải trả ngắn hạn khác		-	243.816.164.400
	Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	-	243.816.164.400

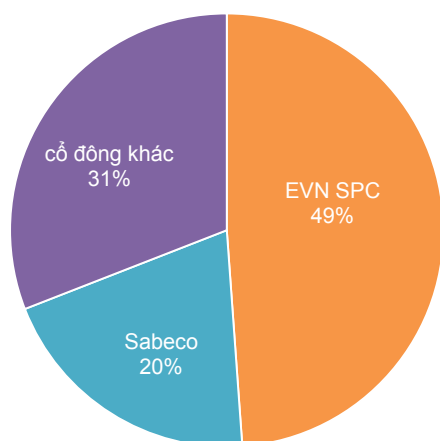
THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHẦN

Cổ phần: Tính đến ngày 31/12/2015, vốn điều lệ của Công ty như sau:

• Vốn điều lệ của Công ty	:	937.102.000.000 đồng
• Mệnh giá 1 cổ phiếu	:	10.000 đồng
• Khối lượng cổ phiếu niêm yết	:	93.710.200 cổ phiếu
• Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	93.710.200 cổ phiếu
• Cổ phiếu quỹ	:	0 cổ phiếu
• Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	:	0 cổ phiếu
• Cổ phiếu chuyển nhượng tự do	:	93.710.200 cổ phiếu

1.771 tỷ đồng
VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG
(tại ngày 18/03/2016)

Cơ cấu cổ đông:



Tới thời điểm 31/12/2015, số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định về điều kiện niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh đã hết hiệu lực, toàn bộ cổ phiếu của SHP được tự do chuyển nhượng.

Danh sách cổ đông lớn

Stt	Tên cổ đông	Số đăng ký kinh doanh	Số cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	72 Hai Bà Trưng, Q.1, Tp.HCM	45.784.358	48,86%
2	Tổng Công ty Bia Rượu NGK Sài Gòn	06 Hai Bà Trưng, Q.1, Tp.HCM	18.950.713	20,22%
Tổng cộng			64.735.071	69,08%

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm 2015, SHP không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ. Hiện tại SHP không có cổ phiếu quỹ.

Cơ cấu cổ đông đến ngày 31/12/2015

Stt	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu		Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu
			Chưa lưu ký	Đã lưu ký		
I	Cổ đông trong nước	3.721	56.573.322	33.893.848	90.467.170	96,54%
1	Tổ chức	20	47.035.298	21.498.793	68.534.091	73,13%
2	Cá nhân	3.701	9.538.024	12.395.055	21.933.079	23,41%
II	Cổ đông nước ngoài	13	-	3.243.030	3.243.030	3,46%
1	Tổ chức	6	-	3.179.820	3.179.820	3,39%
2	Cá nhân	7	-	63.210	63.210	0,07%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	0,00%
	Tổng cộng	3.734	56.573.322	37.136.878	93.710.200	100,0%

Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

Stt	Đối tượng	Hạn chế chuyên nhượng	Chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông nội bộ	-	226.741	226.741	0,24%
1	Hội đồng quản trị	-	98.371	98.371	0,10%
2	Ban Kiểm soát	-	33.600	33.600	0,04%
3	Ban TGD	-	94.770	94.770	0,10%
II	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	0,00%
III	Công đoàn công ty	-	-	-	0,00%
IV	Cổ đông khác	-	93.483.459	93.483.459	99,76%
1	Trong nước	-	90.240.429	90.240.429	97,18%
1.1	Cá nhân	-	21.706.338	21.706.338	25,13%
1.2	Tổ chức	-	68.534.091	68.534.091	72,06%
	<i>Trong đó: Nhà nước</i>	-	45.784.358	45.784.358	48,86%
2	Nước ngoài	-	3.243.030	3.243.030	2,57%
2.1	Tổ chức	-	3.179.820	3.179.820	2,51%
2.2	Cá nhân	-	63.210	63.210	0,07%
	Tổng cộng	-	93.710.200	93.710.200	100,0%

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Trong năm 2015, Công ty đã điều chỉnh thông tin cho 213 cổ đông, in và cấp phát sổ cho 193 cổ đông, chuyển quyền sở hữu cổ phiếu do thừa kế cho 2 cổ đông.

Ban Lãnh đạo Công ty đã có nhiều buổi làm việc trực tiếp và gián tiếp với các quỹ đầu tư, nhà đầu tư trong và ngoài nước nhằm tìm hiểu về SHP cũng như tìm kiếm cơ hội đầu tư vào SHP.

Thông tin (tài chính và phi tài chính) được công bố đầy đủ và kịp thời trên website của Công ty tại địa chỉ://shp.vn/quan-he-co-dong.aspx và trên website của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.



“Hoạt động quan hệ nhà đầu tư duy trì được mối quan hệ với các cổ đông, đặc biệt là các cổ đông lớn, tiếp cận được thêm nhiều nhà đầu tư mới có tiềm lực tài chính và kinh nghiệm.”



THÔNG TIN VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG CÔNG TY

Stt	Họ và tên	31/12/2013		31/12/2014		31/12/2015	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
	Tổng số lao động	124	100%	116	100%	117	100%
I	Phân theo trình độ chuyên môn						
1	Trên đại học	2	1.61%	2	1.72%	2	1,71%
2	Đại học	44	35.48%	40	34.48%	43	36,75%
3	Cao đẳng	19	15.32%	19	16.38%	21	17,95%
4	Trung cấp chuyên nghiệp	22	17.74%	22	18.97%	21	17,95%
5	Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	32	25.81%	30	25.86%	28	23,93%
6	Lao động phổ thông	5	4.03%	3	2.59%	2	1,71%
II	Phân theo đối tượng lao động						
1	Lao động trực tiếp	51	41.13%	50	43.10%	50	42,74%
2	Lao động gián tiếp	73	58.87%	66	56.90%	67	57,26%
III	Phân theo hợp đồng lao động						
1	Hợp đồng xác định thời hạn	35	28.23%	7	6.03%	9	7,69%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	89	71.77%	109	93.97%	108	92,31%
IV	Phân theo giới tính						
1	Nam	104	83.87%	97	83.62%	99	84,62%
2	Nữ	20	16.13%	19	16.38%	18	15,38%

Lương bình quân

	2011	2012	2013	2014	2015
Số lượng lao động (người)	127	129	124	116	117
Lương bình quân (đồng/người/tháng)	10.982.173	12.775.089	14.568.445	15.852.144	16.868.108

TRÁCH NHIỆM TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Đối với các nhà máy thủy điện, nguồn nguyên liệu đầu vào là nước, do đó nguồn nguyên liệu đầu vào phụ thuộc vào trữ lượng nước trong hồ của nhà máy và yếu tố thời tiết. Vì vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có mức phát thải rất thấp.

Hàng năm, Công ty tham gia trồng rừng, tái tạo môi trường tại các khu vực nhà máy thủy điện của SHP, thực hiện nộp thuế tài nguyên và phí dịch vụ bảo vệ rừng theo đúng quy định.

Ngoài ra, Công ty cũng đã xây dựng và phát triển các dự án theo cơ chế sạch (CDM), bảo vệ môi trường. Công ty đã đăng ký thành công cả 03 nhà máy thủy điện tại Lâm Đồng là Đa Siat, Đa Dâng 2 và Đa M'brì thành các dự án theo cơ chế phát triển sạch, với tổng chỉ tiêu giảm phát thải khí nhà kính hàng năm lên đến 311.515 tấn CO₂, góp phần tích cực trong việc bảo vệ môi trường, góp phần giảm hiệu ứng nhà kính. Trong đó, nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 đã được Ban điều hành quốc tế về CDM của Liên Hiệp Quốc (EB) công nhận và cấp chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính với số lượng 212.197 CERs.

TRÁCH NHIỆM VÌ CỘNG ĐỒNG



TRÁCH NHIỆM VÌ CỘNG ĐỒNG (TIẾP THEO)

Trong quá trình thi công các nhà máy thủy điện tại Lâm Đồng, SHP đã tạo công ăn việc làm cho hàng ngàn lao động địa phương, trong đó một số lao động được nhận làm việc chính thức và lâu dài tại Công ty.

Các nhà máy thủy điện của Công ty ngoài việc sản xuất và cung cấp điện năng còn góp phần điều tiết dòng chảy các sông suối trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, phục vụ nhu cầu sản xuất, canh tác của các huyện nơi đặt nhà máy. Đặc biệt, nhà máy ĐaDâng 2 có hệ thống kênh dẫn nước 2,3 km chạy ngang vườn cà phê của dân, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tưới tiêu, canh tác.

Công ty cũng thường xuyên tham gia các hoạt động khuyến học tại các huyện, các xã còn nhiều khó khăn của tỉnh Lâm Đồng. Trong năm 2015, Công ty đã tham gia các hoạt động:

Stt	Nội dung
1	Chương trình “Cây mùa xuân cho trẻ em nghèo 2015”
2	Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc màu da cam
3	Quý khuyến học xã Tân Thành, huyện Đức Trọng
4	Làm cổng chào, trang trí Nhà văn hóa xã Đa M'brì
5	Tặng cặp sách cho học sinh nghèo xã Phước Lộc, Đạ Huoai
6	Làm cổng chào xã Tân Thành

Ngoài ra, toàn thể người lao động Công ty đã đóng góp 1 ngày công để ủng hộ kinh phí xây dựng Khu tưởng niệm chiến sĩ Gạc Ma.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách đối với người lao động

Người lao động làm việc tại Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam được hưởng đầy đủ các chế độ lương, thưởng, trợ cấp theo quy định hiện hành của pháp luật. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, công đoàn và các đoàn thể của Công ty thường xuyên quan tâm đến các phong trào thi đua lao động sản xuất, khen thưởng kịp thời, quan tâm đến đời sống của người lao động, thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động.

Chính sách đào tạo: Công tác đào tạo được Công ty coi trọng, Công ty thường xuyên mở lớp đào tạo ngắn ngày về giám sát công trình, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, chính sách thuế,... và đào tạo cho lực lượng chuẩn bị sản xuất, vận hành máy giúp người lao động nâng cao trình độ, chuyên môn. Hàng năm Công ty đều tổ chức đào tạo, kiểm tra giữ bậc và nâng bậc cho lực lượng vận hành, phối hợp với Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia đào tạo và thi trường ca vận hành cho một số nhân sự.

Chính sách tiền lương: Đối với chế độ tiền lương, Công ty tuân thủ theo Luật Lao động và Quy chế nâng bậc lương của Công ty đã ban hành.

Chế độ đãi ngộ và khen thưởng: Công ty thực hiện tốt các chế độ phúc lợi như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ nghỉ phép,... cho người lao động. Ngoài ra, Công ty thực hiện chế độ thưởng bằng tiền mặt vào các ngày lễ lớn trong năm và thưởng lương tháng 13 và các khoản thu nhập bổ sung dịp Tết Nguyên đán hàng năm. Hàng năm, Công ty cũng chi hàng tỷ đồng để thưởng vận hành an toàn các nhà máy thủy điện cho người lao động.

Môi trường làm việc

Để mọi người lao động có thể phát huy hết khả năng của mình để phục vụ cho công việc chung, CTCP Thủy điện Miền Nam luôn tạo môi trường làm việc thân thiện, thoải mái và chuyên nghiệp. Các chính sách của Công ty luôn hướng về tinh thần đoàn kết giữa Ban Điều hành với người lao động cũng như giữa người lao động với nhau. Điều này giúp cho tinh thần làm việc của người lao động trong công ty luôn đạt hiệu suất cao nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**Giấy chứng nhận ĐKKD**

Số 4103002486 ngày 13 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được điều chỉnh lần thứ 7 ngày 18 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Quang Ái	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên
Ông Lê Chí Phước	Thành viên
Ông Trịnh Phi Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Hoàng Minh Dũng	Trưởng ban
Ông Thang Thanh Hà	Thành viên
Ông Tô Công Thanh Lộc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thịnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vĩnh Châu	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Văn Thịnh Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

Phòng 106, Lầu 1, Citilight Tower, 45 Võ Thị Sáu,
Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 33. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thịnh

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2015 và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt vào ngày 25 tháng 3 năm 2016. Các báo cáo tài chính này bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên và thuyết minh các báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán của họ phát hành ngày 4 tháng 3 năm 2015 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Quách Thành Châu

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0875-2013-006-1

Chữ ký được ủy quyền

A blue signature of Lại Hùng Phương.

Lại Hùng Phương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

2432-2013-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM5180

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2016

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015 VNĐ	31/12/2014 VNĐ (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		303.960.667.800	421.547.858.948
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	157.842.270.267	107.431.742.724
111	1. Tiền		155.342.270.267	104.931.742.724
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.500.000.000	2.500.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		3.821.364.689	3.821.364.689
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	3.821.364.689	3.821.364.689
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		118.998.231.095	297.019.820.847
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	103.984.699.028	69.589.345.252
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	6.113.719.528	226.507.563.395
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	9.207.174.739	922.912.200
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(307.362.200)	-
140	IV. Hàng tồn kho		3.352.347.389	1.631.686.117
141	1. Hàng tồn kho		3.352.347.389	1.631.686.117
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		19.946.454.360	11.643.244.571
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		360.470.441	332.867.400
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	9(a)	19.585.983.919	11.310.377.171
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.609.021.439.202	2.784.105.013.751
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		444.394.875	444.394.875
216	1. Phải thu dài hạn khác		444.394.875	444.394.875
220	II. Tài sản cố định		2.606.385.617.790	2.771.500.304.224
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10(a)	2.603.645.754.149	2.768.750.440.587
222	<i>Nguyên giá</i>		3.109.388.520.926	3.096.633.865.668
223	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(505.742.766.777)	(327.883.425.081)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10(b)	2.739.863.641	2.749.863.637
228	<i>Nguyên giá</i>		2.749.863.637	2.749.863.637
229	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(9.999.996)	-
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		635.599.623	10.129.038.952
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	635.599.623	10.129.038.952
260	IV. Tài sản dài hạn khác		1.555.826.914	2.031.275.700
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.555.826.914	2.031.275.700
270	TỔNG TÀI SẢN		2.912.982.107.002	3.205.652.872.699

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015 VNĐ	31/12/2014 VNĐ (Trình bày lại)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.676.012.561.397	1.983.874.613.839
310	I. Nợ ngắn hạn		316.185.561.397	653.844.620.775
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	32.958.449.587	75.240.062.559
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9(b)	9.783.447.565	10.820.482.599
314	3. Phải trả người lao động	13	7.573.106.382	4.743.493.483
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	69.547.027.928	143.057.846.789
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	11.197.414.132	247.083.104.435
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16(a)	184.156.003.999	172.296.547.739
322	7. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	17	970.111.804	603.083.171
330	II. Nợ dài hạn		1.359.827.000.000	1.330.029.993.064
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16(b)	1.359.827.000.000	1.330.029.993.064
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.236.969.545.605	1.221.778.258.860
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.236.969.545.605	1.221.778.258.860
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	18	937.102.000.000	937.102.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	18	937.102.000.000	937.102.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19	299.867.545.605	284.676.258.860
421a	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		135.306.454.357	64.563.646.285
421b	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay</i>		164.561.091.248	220.112.612.575
440	TỔNG NGUỒN VỐN		2.912.982.107.002	3.205.652.872.699



Nguyễn Thị Kiều Liên
Người lập



Nguyễn Thành Tú Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thịnh
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Chỉ tiêu		Năm 2015 VNĐ	Năm 2014 VNĐ (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		594.685.477.949	596.443.770.547
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	594.685.477.949	596.443.770.547
11	4. Giá vốn hàng bán	23	(257.513.888.782)	(221.140.126.250)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		337.171.589.167	375.303.644.297
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		886.055.791	5.363.586.824
22	7. Chi phí tài chính	24	(131.829.368.233)	(126.737.165.755)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(131.829.368.233)	(126.737.165.755)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(32.389.097.450)	(27.511.412.831)
30	9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		173.839.179.275	226.418.652.535
31	10. Thu nhập khác		3.068.610.126	2.358.186.155
32	11. Chi phí khác	26	(7.423.419.339)	(2.335.490.142)
40	12. (Lỗ)/lợi nhuận khác		(4.354.809.213)	22.696.013
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		169.484.370.062	226.441.348.548
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	(4.923.278.814)	(6.328.735.973)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		164.561.091.248	220.112.612.575
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	1.686	2.255

Nguyễn Thị Kiều Liên
Người lập

Nguyễn Thành Tú Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thịnh
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)


Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2015 VNĐ	Năm 2014 VNĐ
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		169.484.370.062	226.441.348.548
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		178.354.163.900	152.701.363.484
03	Các khoản dự phòng		307.362.200	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(886.055.791)	(5.363.586.824)
06	Chi phí lãi vay		131.829.368.233	126.737.165.755
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		479.089.208.604	500.516.290.963
09	Tăng các khoản phải thu		(53.192.297.179)	(84.443.122.179)
10	Tăng hàng tồn kho		(1.720.661.272)	(427.413.048)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(125.943.943.265)	134.217.118.270
12	Giảm/(tăng) các chi phí trả trước		447.845.745	(1.086.591.482)
14	Tiền lãi vay đã trả		(132.233.689.344)	(120.035.925.195)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.606.963.463)	(4.224.870.122)
17	Chi khác từ hoạt động kinh doanh		(8.437.475.870)	(4.788.473.493)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		152.402.023.956	419.727.013.714
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(6.429.499.091)	(261.873.281.983)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác		72.909.091	-
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		886.055.791	5.363.586.824
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.470.534.209)	(256.509.695.159)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		219.211.100.330	881.842.547.739
34	Chi trả nợ gốc vay		(177.554.637.134)	(888.057.809.483)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(138.177.425.400)	(73.036.503.800)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính		(96.520.962.204)	(79.251.765.544)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		50.410.527.543	83.965.553.011
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	107.431.742.724	23.466.189.713
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	157.842.270.267	107.431.742.724



Nguyễn Thị Kiều Liên
Người lập



Nguyễn Thành Tú Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thịnh
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103002486 ngày 13 tháng 07 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được điều chỉnh lần thứ 7 ngày 18 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty là một doanh nghiệp niêm yết có cổ phiếu giao dịch trên sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất truyền tải và phân phối điện; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; lắp đặt hệ thống điện; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; sửa chữa thiết bị điện, máy móc thiết bị, các sản phẩm kim loại đúc sẵn (không hoạt động tại trụ sở); đào tạo nghề; bán buôn máy móc, thiết bị điện và phụ tùng máy cơ khí; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (không hoạt động tại trụ sở).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 117 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 118 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) - Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 200 được áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng (tiếp theo)

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các thay đổi của Thông tư 200 theo Điều 127 của Thông tư 200. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán được áp dụng phi hồi tố:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ - Thuyết minh 2.4

Theo Quyết định 15, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán.

Theo Thông tư 200 các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

- Đầu tư - Thuyết minh 2.8 và thuyết minh 4

Theo Thông tư 200, Công ty phải thuyết minh giá trị hợp lý của các khoản đầu tư. Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý thì Công ty cần thuyết minh trình bày lý do.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu – Thuyết minh 21

Theo Quyết định 15, Công ty phải tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo các khoản lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (tử số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (mẫu số).

Tuy nhiên, theo Thông tư 200 lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách dùng lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi trừ đi số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (tử số) chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (mẫu số).

Một số số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay theo Thông tư 200. Chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh 34.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4%
Máy móc thiết bị	10%
Phương tiện vận tải	13%
Thiết bị quản lý	20%
Phần mềm máy tính	33%

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.16 Phân chia lợi nhuận thuần

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

2.17 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

2.18 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.19 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa và vật tư xuất bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn.

2.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.22 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.23 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.24 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

2.25.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2015	31.12.2014
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	72.048.700	256.496.726
Tiền gửi ngân hàng	155.270.221.567	104.675.245.998
Các khoản tương đương tiền (*)	2.500.000.000	2.500.000.000
	157.842.270.267	107.431.742.724

(*) Khoản mục này bao gồm tiền gửi có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng.

4 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31.12.2015	31.12.2014
	VNĐ	VNĐ
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	3.821.364.689	3.821.364.689

Khoản mục này bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này không khác biệt lớn so với giá trị ghi sổ.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31.12.2015	31.12.2014
	VNĐ	VNĐ
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	103.984.699.028	69.589.345.252

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.12.2015	31.12.2014
	VNĐ	VNĐ
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	-	222.558.008.892
Andritz Hydro GmbH	2.850.463.350	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Nha Trang	1.339.766.636	-
Bên thứ ba khác	1.923.489.542	3.949.554.503
	6.113.719.528	226.507.563.395

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Phải thu ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm khoản ký quỹ ngân hàng để mở thư tín dụng (năm 2014: không có khoản ký quỹ ngân hàng nào).

8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Khoản mục này là dự phòng phải thu từ người dân liên quan đến tiền đền bù các tuyến đường dân sinh của dự án Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2.

9 THUẾ PHẢI THU VÀ THUẾ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**(a) Thuế phải thu Nhà nước**

	2015	2014
	VNĐ	VNĐ
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	19.585.983.919	11.310.377.171

(b) Thuế phải nộp Nhà nước

	2015	2014
	VNĐ	VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	1.142.606.409	2.935.175.799
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.307.065.063	1.990.749.712
Thuế tài nguyên	865.819.116	1.954.554.633
Phí dịch vụ môi trường rừng	5.983.309.600	3.881.030.400
Thuế thu nhập cá nhân	484.647.377	58.972.055
	9.783.447.565	10.820.482.599

9 THUẾ PHẢI THU VÀ THUẾ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP THEO)**(c) Tình hình biến động của các khoản thuế phải thu và phải nộp Nhà nước**

Tình hình biến động của các khoản thuế phải thu Nhà nước như sau:

	Tại 1.1.2015 VNĐ	Số phải thu VNĐ	Số đã cản trừ VNĐ	Số đã hoàn VNĐ	Tại 31.12.2015 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	11.310.377.171	9.184.805.628	(909.198.880)	-	19.585.983.919

Tình hình biến động của các khoản thuế phải nộp cho Nhà nước như sau:

	Tại 1.1.2015 VNĐ	Phải nộp VNĐ	Số đã cản trừ VNĐ	Số đã nộp VNĐ	Tại 31.12.2015 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2.935.175.799	59.476.153.113	(909.198.880)	(60.359.523.623)	1.142.606.409
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.990.749.712	4.923.278.814		(5.606.963.463)	1.307.065.063
Thuế tài nguyên	1.954.554.633	38.134.885.440		(39.223.620.957)	865.819.116
Thuế thu nhập cá nhân	58.972.055	2.875.734.926		(2.450.059.604)	484.647.377
Phí dịch vụ môi trường rừng	3.881.030.400	14.457.318.600		(12.355.039.400)	5.983.309.600
	10.820.482.599	119.867.370.893	(909.198.880)	(119.995.207.047)	9.783.447.565

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Nguyên giá					
Tại 1/1/ 2015	2.474.949.899.709	615.064.399.699	5.986.609.039	632.957.221	3.096.633.865.668
Mua trong năm	-	2.265.653.720	-	-	2.265.653.720
Chuyển từ XDCB dở dang (Thuyết minh 11)	10.886.280.746	87.543.000	-	-	10.973.823.746
Thanh lý	-	-	(484.822.208)	-	(484.822.208)
Tại 31/12/2015	2.485.836.180.455	617.417.596.419	5.501.786.831	632.957.221	3.109.388.520.926
Khấu hao lũy kế					
Tại 1/1/ 2015	184.234.049.344	138.740.576.943	4.495.111.882	413.686.912	327.883.425.081
Khấu hao trong năm	115.929.598.552	61.767.995.707	558.369.975	88.199.670	178.344.163.904
Thanh lý	-	-	(484.822.208)	-	(484.822.208)
Tại 31/12/2015	300.163.647.896	200.508.572.650	4.568.659.649	501.886.582	505.742.766.777
Giá trị còn lại					
Tại 1/1/ 2015	2.290.715.850.365	476.323.822.756	1.491.497.157	219.270.309	2.768.750.440.587
Tại 31/12/2015	2.185.672.532.559	416.909.023.769	933.127.182	131.070.639	2.603.645.754.149

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 2.598.684.831.414 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.766.477.900.730 đồng) đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn của Công ty (Thuyết minh 16).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.694.093.431 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.325.443.941 đồng).

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2015	2.719.863.637	30.000.000	2.749.863.637
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	9.999.996	9.999.996
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	9.999.996	9.999.996
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	2.719.863.637	30.000.000	2.749.863.637
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	2.719.863.637	20.000.004	2.739.863.641

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết chi xây dựng cơ bản dở dang được trình bày như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí phát sinh chờ quyết toán của Nhà máy Thủy điện Đa Dâng 2	-	9.520.820.624
Dự án nhà điều hành Bảo Lộc	461.125.623	193.183.181
Khác	174.474.000	415.035.147
	635.599.623	10.129.038.952

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Số dư đầu năm	10.129.038.952	2.070.136.983.461
Mua sắm	4.163.845.371	235.476.693.601
Tăng từ vốn hóa lãi vay	-	28.362.135.604
Chuyển sang TSCĐ (Thuyết minh 10(a))	(10.973.823.746)	(2.321.999.019.310)
Khác	(2.683.460.954)	(1.847.754.404)
Số dư cuối năm	635.599.623	10.129.038.952

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2015	2014
	VNĐ	VNĐ
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4	18.606.018.250	37.222.018.250
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	-	10.292.123.449
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	3.241.620.292	-
Phải trả bên thứ ba khác	11.110.811.045	27.725.920.860
	32.958.449.587	75.240.062.559

Công ty không có khoản nợ quá hạn nào chưa thanh toán tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Theo Ban Tổng Giám đốc, Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ khoản phải trả người bán ngắn hạn này.

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, phải trả người lao động là khoản tiền lương năm 2015 phải trả cho người lao động.

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2015	2014
	VNĐ	VNĐ
Chi phí dự án Nhà máy thủy điện Đambri	62.741.665.634	128.454.304.658
Chi phí dự án Nhà máy thủy điện Đasiat	-	7.872.411.571
Chi phí lãi vay	6.296.919.449	6.701.240.560
Chi phí khác	508.442.845	29.890.000
	69.547.027.928	143.057.846.789

15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2015	2014
	VNĐ	VNĐ
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam (*)	-	235.625.973.800
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 20)	10.577.495.200	8.190.190.600
Phải trả nhân viên	100.736.940	2.235.970.576
Các khoản phải trả, phải nộp khác	519.181.992	1.030.969.459
	11.197.414.132	247.083.104.435

(*) Phải trả Tổng Công ty Điện lực Miền Nam là khoản ủy thác nhập khẩu, mua thiết bị cho nhà máy thủy điện Đambri (Thuyết minh 32(b)). Khoản tiền này đã được cần trừ với khoản trả trước cho Tổng Công ty Điện lực Miền Nam trong năm 2015 (Thuyết minh 32(b)).

16 CÁC KHOẢN VAY**(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 1.1.2015 VNĐ	Chuyển từ vay dài hạn VNĐ	Trả nợ vay VNĐ	Tại ngày 31.12.2015 VNĐ
Vay ngân hàng	172.296.547.739	189.414.093.394	(177.554.637.134)	184.156.003.999

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

		Loại tiền	Lãi suất (Hàng năm)	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Vietcombank	(i)	VNĐ	8,5%	32.000.000.000	13.624.547.739
VID - CN Lâm Đồng	(ii)	VNĐ	6,9%	66.156.000.000	66.156.000.000
VIB	(iii)	VNĐ	8,7%	36.000.000.000	-
VPB	(iv)	VNĐ	9,1%	50.000.003.999	50.000.000.000
VID - SGD II	(v)	VNĐ	6,9%	-	42.516.000.000
				184.156.003.999	172.296.547.739

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Tại ngày 1.1.2015 VNĐ	Tăng thêm VNĐ	Chuyển sang vay ngắn hạn VNĐ	Tại ngày 31.12.2015 VNĐ
Vay ngân hàng	1.330.029.993.064	219.211.100.330	(189.414.093.394)	1.359.827.000.000

Chi tiết các khoản vay dài hạn:

		Loại tiền	Lãi suất (Hàng năm)	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Vietcombank	(i)	VNĐ	8,5%	849.000.000.000	861.000.000.000
VID CN Lâm Đồng	(ii)	VNĐ	6,9%	352.827.000.000	418.983.000.000
VIB	(iii)	VNĐ	8,7%	158.000.000.000	-
VPB	(iv)	VNĐ	9,1%	-	49.999.999.999
VID - SGD II	(v)	VNĐ	6,9%	-	46.993.065
				1.359.827.000.000	1.330.029.993.064

16 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

- (i) Vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo 2 hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 0043/ĐTDA/13CD ngày 20 tháng 11 năm 2013, hạn mức tín dụng là 260 tỷ Đồng, thời hạn hợp đồng 138 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân lần đầu tiên là 11,1%/năm, mục đích để thanh toán các khoản chi phí liên quan đến việc thực hiện đầu tư xây dựng dự án, khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay. Lần trả nợ gốc đầu tiên được 2 bên ký sau ngày kết thúc thời gian ân hạn (18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên). Lãi suất áp dụng để tính lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 8,5%/năm.
 - Hợp đồng tín dụng số 0028/ĐTDA/14CD ngày 12 tháng 11 năm 2014, hạn mức tín dụng là 633,7 tỷ Đồng, thời hạn hợp đồng 120 tháng, lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi sau do bên cho vay công bố còn hiệu lực tại ngày giải ngân đầu tiên và tại ngày đầu tiên của các kỳ điều chỉnh lãi suất cộng (+) 3,6%/năm, điều chỉnh 3 tháng 1 lần, mục đích để cho vay tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp theo Dự án đầu tư thủy điện ĐamBri công suất 75MW, khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay. Lần trả nợ gốc đầu tiên sẽ được 2 bên ký sau ngày giải ngân hết tổng số tiền cho vay. Mục đích vay dùng để tái cấu trúc tài chính các khoản vay có lãi suất 11,4%/năm, 12%/năm và 14,4%/năm theo hợp đồng tín dụng số 02/2008/HĐTĐĐT-NHPT ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng. Lãi suất áp dụng để tính lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 8,5%/năm.
- (ii) Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng theo hợp đồng tín dụng số 02/2008/HĐTDDT-NHPT ngày 17 tháng 4 năm 2008, hạn mức tín dụng là 1.250 tỷ Đồng, thời hạn hợp đồng 13 năm, áp dụng lãi suất vay vốn tín dụng đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà Nước, khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay. Hợp đồng sửa đổi hợp đồng tín dụng số 03C/2014/HĐTĐĐT điều chỉnh thời hạn trả nợ gốc thành 89 tháng từ tháng 12 năm 2014.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 0238/HĐTĐ-VIB601/15 ngày 15 tháng 6 năm 2015, hạn mức tín dụng là 200 tỷ Đồng, thời hạn hợp đồng là 5 năm, áp dụng lãi suất là 8,7% trong 6 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên và lãi suất sẽ thay đổi bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của khách hàng cá nhân của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng biên độ 2,7%. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng toàn bộ tài sản tại Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2, khoản phải thu từ hợp đồng mua bán điện của Nhà máy thủy điện Đasiat và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung.
- (iv) Vay Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng theo hợp đồng tín dụng đầu tư số 212/2013/HĐTĐ/CMB-HCM ngày 16 tháng 12 năm 2013, thời hạn hợp đồng 36 tháng, lãi suất thời điểm giải ngân đầu tiên là 10,9%/năm, điều chỉnh 3 tháng 1 lần (Mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2,5%), khoản vay được bảo đảm bằng tín chấp. Lãi suất tính lãi vay áp dụng cho quý 4 năm 2015 là 9,1%/năm.
- (v) Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II theo Hợp đồng tín dụng số 10/2008/HĐTĐĐT-NHPT-PC ngày 21 tháng 7 năm 2008, hạn mức tín dụng là 276,3 tỷ Đồng, thời hạn hợp đồng 08 năm, lãi suất tính bằng lãi suất 6,9%/năm, khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay.

17 QUỸ KHEN THƯỜNG PHÚC LỢI

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Số dư đầu năm	603.083.171	1.222.836.204
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 19)	8.804.504.503	4.168.720.460
Chi trả trong năm	(8.437.475.870)	(4.788.473.493)
Số dư cuối năm	970.111.804	603.083.171

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

	2015 Cổ phiếu phổ thông	2014 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	93.710.200	93.710.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	93.710.200	93.710.200

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 7 ngày 18 tháng 7 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 937 tỷ Đồng.

Cơ cấu vốn cổ phần thực tế của Công ty như sau:

	31.12.2015 VNĐ	%	31.12.2014 VNĐ	%
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	457.843.580.000	48,86%	457.843.580.000	48,86%
Tổng CTCP Bia - Rượu- Nước Giải khát Sài Gòn	189.507.130.000	20,22%	189.507.130.000	20,22%
Các cổ đông khác	289.751.290.000	30,92%	289.751.290.000	30,92%
	937.102.000.000	100%	937.102.000.000	100%

19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1/1/ 2014	937.102.000.000	143.700.526.745	1.080.802.526.745
Lợi nhuận trong năm	-	220.112.612.575	220.112.612.575
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	(4.168.720.460)	(4.168.720.460)
Chia cổ tức	-	(74.968.160.000)	(74.968.160.000)
Tại ngày 31/12/ 2014	937.102.000.000	284.676.258.860	1.221.778.258.860
Lợi nhuận trong năm	-	164.561.091.248	164.561.091.248
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	(8.804.504.503)	(8.804.504.503)
Chia cổ tức (*)	-	(140.565.300.000)	(140.565.300.000)
Tại ngày 31/12/2015	937.102.000.000	299.867.545.605	1.236.969.545.605

(*) Căn cứ theo Nghị quyết số 16/NQ-CTCPTĐMN-ĐHĐCĐ ngày 8 tháng 5 năm 2015 (“Nghị quyết số 16”), Đại Hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án chia cổ tức bằng tiền mặt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 15% mệnh giá (tương đương với 140.565.300.000 Đồng). Công ty đã thông báo chi quyết toán cổ tức bằng tiền mặt trong năm 2015.

20 CỔ TỨC

Cổ tức phải trả:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Số dư đầu năm	8.190.190.600	6.258.534.400
Cổ tức phải trả trong năm	140.565.300.000	74.968.160.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(138.177.425.400)	(73.036.503.800)
Điều chỉnh khác	(570.000)	-
Số dư cuối năm (Thuyết minh 15)	10.577.495.200	8.190.190.600

21 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận sau thuế phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	2015	2014 (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	164.561.091.248	220.112.612.575
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(6.582.443.650)	(8.804.504.503)
	157.978.647.598	211.308.108.072
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	93.710.200	93.710.200
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	1.686	2.255

(*) Số tiền trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2015 là số kế hoạch theo Nghị quyết 16. Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2014 được trình bày lại theo quy duyệt của Đại hội đồng Cổ đông thường niên của năm 2015 (Thuyết minh 34).

22 DOANH THU

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Doanh thu bán điện	594.685.477.949	596.443.770.547

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Giá vốn điện	257.513.888.782	221.140.126.250

24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Lãi tiền vay	131.829.368.233	126.737.165.755

25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	21.701.394.202	12.872.477.176
Chi phí thuê văn phòng	1.897.579.500	1.703.498.284
Chi phí khấu hao TSCĐ	687.104.359	806.527.426
Chi phí bằng tiền khác	8.103.019.389	12.128.909.945
	32.389.097.450	27.511.412.831

26 CHI PHÍ KHÁC

Khoản chi phí này chủ yếu là lãi chậm thanh toán hợp đồng ủy thác nhập khẩu máy móc thiết bị cho Nhà máy Thủy điện Đambri với Tổng công ty Điện lực Miền Nam. Công ty đã thanh toán khoản chi phí này trong năm 2015.

27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Ba nhà máy thủy điện của Công ty được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng ưu đãi thuế theo quy định hiện hành như sau:

- Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 và Đasiat: thuế suất là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của dự án trong 9 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm đầu tiên hai nhà máy đi vào hoạt động và có thu nhập chịu thuế và được miễn thuế đến năm 2013. Năm 2014 là năm đầu tiên hai nhà máy được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho khoản thu nhập từ dự án.
- Nhà máy thủy điện Đambri: thuế suất là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của dự án trong 9 năm tiếp theo. Năm 2014 là năm đầu tiên nhà máy đi vào hoạt động và có thu nhập chịu thuế và được miễn thuế đến năm 2017.

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất hiện hành và được thể hiện như sau.

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	169.484.370.062	226.441.348.548
Thuế tính ở thuế suất 10%:	16.948.437.006	22.644.134.855
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	-	(87.858.952)
Chi phí không được khấu trừ	52.067.960	344.051.632
Ưu đãi thuế của các Nhà máy thủy điện	(12.048.825.447)	(16.431.850.100)
Chênh lệch thuế suất giữa các Nhà máy thủy điện và trụ sở chính	(28.400.705)	(139.741.462)
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	4.923.278.814	6.328.735.973

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	3.559.545.808	2.042.146.850
Chi phí nhân công	35.259.998.166	22.792.642.656
Chi phí khấu hao tài sản cố định	178.354.163.900	152.701.363.484
Chi phí thuế tài nguyên	38.134.885.440	38.971.151.163
Phí dịch vụ môi trường rừng	14.457.318.600	13.257.381.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.242.473.547	8.334.812.602
Chi phí khác bằng tiền	8.894.600.771	10.552.041.326
	289.902.986.232	248.651.539.081

29 BÁO CÁO BỘ PHẬN**(a) Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty không lập báo cáo theo bộ phận kinh doanh vì công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực sản xuất truyền tải và phân phối điện.

(b) Khu vực địa lý

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý vì hoạt động kinh doanh diễn ra tại Việt Nam, nơi có:

- Tính tương đồng của các điều kiện kinh tế và chính trị;
- Tính tương đồng của môi trường kinh doanh;
- Rủi ro liên quan tới hoạt động kinh doanh ở Việt Nam là tương đối đồng nhất; và
- Chịu sự chi phối của các quy định kiểm soát ngoại hối và các rủi ro tiền tệ chung của Việt Nam.

30 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là khoản phải trả trước cho người bán được cản trừ với các khoản phải trả của Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam là 222.558.008.892 đồng.

(b) Khoản tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng

Công ty có số dư 1.863.499.924 đồng tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Lâm Đồng bị giới hạn sử dụng để thanh toán khoản phải trả cho nhà cung cấp theo mục đích được nêu trong hợp đồng tín dụng.

31 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

(i) Rủi ro tiền tệ

Việc kinh doanh của Công ty không phải chịu rủi ro trọng yếu từ ngoại tệ vì Công ty có số dư của tài sản và nợ tài chính bằng ngoại tệ không đáng kể tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(ii) Rủi ro giá

Trong năm, Công ty không chịu rủi ro về giá chứng khoán do Công ty không phát sinh các khoản giao dịch chứng khoán nào. Công ty cũng không chịu rủi ro trọng yếu về giá của hàng hóa.

(iii) Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất đáng kể đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nếu lãi suất VNĐ tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế trong năm sẽ thấp/cao hơn 11.250.000.040 đồng do chi phí lãi của các khoản vay này cao/thấp hơn.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

31 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi- phái- sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 2 năm VNĐ	Từ 2 đến 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Phải trả người bán	32.958.449.587	-	-	-
Các khoản vay	184.156.003.999	163.669.000.000	630.468.000.000	565.690.000.000
Các khoản phải trả khác	11.197.414.132	-	-	-
	228.311.867.718	163.669.000.000	630.468.000.000	565.690.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014				
Phải trả người bán	75.240.062.559	-	-	-
Các khoản vay	172.296.547.739	146.202.993.064	451.981.000.000	731.846.000.000
Các khoản phải trả khác	24.525.095.543	-	-	-
	272.061.705.841	146.202.993.064	451.981.000.000	731.846.000.000

32 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tổng Công ty Điện lực Miền Nam là cổ đông lớn nhất do sở hữu 48,86% vốn cổ phần của Công ty và là công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu bán điện

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Công ty Mua Bán Điện	523.455.412.812	534.174.824.416
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	71.230.065.137	62.268.946.131
	594.685.477.949	596.443.770.547

Hai công ty trên thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

32 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)****ii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt**

	2015	2014
	VNĐ	VNĐ
Lương và các quyền lợi gộp khác	4.421.666.307	3.629.964.042

Khoản này bao gồm lương và thưởng cho Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng.

iii) Hoạt động tài chính

	2015	2014
	VNĐ	VNĐ
Cổ tức đã trả cho :		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	28.426.069.500	15.160.570.400
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	68.676.537.000	36.627.486.400
	97.102.606.500	51.788.056.800

iv) Hoạt động khác

	2015	2014
	VNĐ	VNĐ
Lãi chậm thanh toán (Thuyết minh 26)	7.420.728.039	-

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)**

	2015	2014
	VNĐ	VNĐ
Công ty Mua Bán Điện	88.323.924.357	63.140.667.192
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	15.660.774.671	6.448.678.060
	103.984.699.028	69.589.345.252

Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6)

	2015	2014
	VNĐ	VNĐ
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	-	222.558.008.892

Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 15)

	2015	2014
	VNĐ	VNĐ
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	-	235.625.973.800

33 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2015	2014
	VNĐ	VNĐ
Dưới 1 năm	148.131.625	148.131.625
Từ 1 đến 5 năm	68.305.138	215.501.076
Trên 5 năm	8.061.426.723	8.061.426.723
	8.277.863.486	8.425.059.424

Đây là khoản cam kết cho hợp đồng thuê văn phòng số 05/CT-SHP-AH/DD2 ngày 23 tháng 3 năm 2015 và hợp đồng thuê đất tại nhà máy thủy điện Đasiat số 137/ HĐ-ĐĐ ngày 15 tháng 8 năm 2011.

34 TRÌNH BÀY LẠI

Số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay theo Thông tư 200 như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014		
		Theo báo cáo năm trước VNĐ	Điều chỉnh VNĐ	Trình bày lại VNĐ
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	296.404.270.847	615.550.000	297.019.820.847
136	Phải thu ngắn hạn khác	307.362.200	615.550.000	922.912.200
150	Tài sản ngắn hạn khác	12.258.794.571	(615.550.000)	11.643.244.571
155	Tài sản ngắn hạn khác	615.550.000	(615.550.000)	-
210	Các khoản phải thu dài hạn	-	444.394.875	444.394.875
216	Phải thu dài hạn khác	-	444.394.875	444.394.875
260	Tài sản dài hạn khác	2.475.670.575	(444.394.875)	2.031.275.700
268	Tài sản dài hạn khác	444.394.875	(444.394.875)	-
310	Nợ ngắn hạn	640.220.073.036	13.624.547.739	653.844.620.775
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	158.672.000.000	13.624.547.739	172.296.547.739
330	Nợ dài hạn	1.343.654.540.803	(13.624.547.739)	1.330.029.993.064
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.343.654.540.803	(13.624.547.739)	1.330.029.993.064

34 TRÌNH BÀY LẠI (TIẾP THEO)**(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Theo báo cáo	Điều chỉnh	Trình bày lại
		năm trước VNĐ	VNĐ	VNĐ
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.349	(94)	2.255


Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 25 tháng 3 năm 2016.



Nguyễn Thị Kiều Liên
Người lập



Nguyễn Thành Tú Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thịnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



Nguyễn Văn Thịnh



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

Trụ sở: P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường
Đa Kao, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: (84-8) 3820 7795

Fax: (84-8) 3820 7794

Email: thuydienmiennam@shp.vn

Website: www.shp.com.vn